



Mục lục

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

3 NGUYỄN VĂN THÀNH:

Vai trò của công tác lý luận trong xây dựng nhân tố chính trị tinh thần của Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay

12 LÊ VĂN LỢI:

Đời sống văn hóa của đội ngũ trí thức Việt Nam giai đoạn 1975-2025

27 VŨ VĂN HÀ:

Sự phát triển nhận thức lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH của Đảng ta qua 40 năm đổi mới

41 CAO VĂN TRỌNG & TRẦN NHO TUẤN:

Xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần cho đội ngũ cán bộ Quân đội nhân dân Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh

50 BÙI THỊ KIM CHI:

Biến đổi văn hóa đô thị Việt Nam giai đoạn 1975-2025

61 BÙI ĐÌNH BÔN:

Nhận diện các quan điểm, sai trái, thù địch về nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC LÝ LUẬN TRONG XÂY DỰNG NHÂN TỐ CHÍNH TRỊ TINH THẦN CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM HIỆN NAY

● **Thượng tướng, PGS, TS NGUYỄN VĂN THÀNH**

Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương

Trong suốt quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam, công tác lý luận có vai trò đặc biệt quan trọng, là yếu tố then chốt trong xây dựng nhân tố chính trị tinh thần, nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của Quân đội, góp phần xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức đạo đức và cán bộ, bảo đảm cho Quân đội tuyệt đối trung thành với Đảng, Nhà nước và Nhân dân, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Vai trò của công tác lý luận trong xây dựng nhân tố chính trị tinh thần của Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay được biểu hiện trên một số vấn đề cơ bản sau:

Một là, công tác lý luận trực tiếp góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, chiến sĩ về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Trong Quân đội nhân dân Việt Nam, công tác lý luận là một bộ phận hợp thành của Công tác đảng, công tác chính trị, có nhiệm vụ giáo dục, quán triệt chủ nghĩa Mác - Lênin, tư



Tăng cường công tác giáo dục chính trị, giáo dục pháp luật, định hướng tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ _ Ảnh: MH

tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, chiến sĩ. C.Mác đã từng nói: “Vũ khí của sự phê phán cố nhiên không thể thay thế được sự phê phán của vũ khí, lực lượng vật chất chỉ có thể bị đánh đổ bằng lực lượng vật chất; nhưng lý luận cũng sẽ trở thành lực lượng vật chất, một khi nó thâm nhập vào quần chúng”¹. Do vậy, thông qua các hình thức hoạt động phong phú, sinh động, hấp dẫn, công tác lý luận trực tiếp trang bị cho cán bộ, chiến sĩ trong

Quân đội những hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; bản chất cách mạng, khoa học và sự vận dụng sáng tạo của Đảng ta trong thực tiễn lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Từ đó, nâng cao nhận thức, xây dựng và củng cố niềm tin, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của cán bộ, chiến sĩ.

Đồng thời, góp phần quan trọng trong tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của

Nhà nước, nhất là chủ trương phát triển kinh tế - xã hội; kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; kinh tế với quốc phòng, an ninh và đối ngoại; xây dựng nền quốc phòng toàn dân với xây dựng nền an ninh nhân dân; giữa độc lập dân tộc với hội nhập quốc tế; các vấn đề về an ninh truyền thống, an ninh phi truyền thống; chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, lấy xây dựng vững mạnh về chính trị làm cơ sở; xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố vững chắc trong tình hình mới; chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài, chính sách hậu phương Quân đội; Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước... Thông qua đó, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng Quân đội, nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu.

Hai là, công tác lý luận có vai trò đặc biệt quan trọng trong giáo dục, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, xây dựng và củng cố niềm tin, mục tiêu, lý tưởng

chiến đấu, lòng trung thành vô hạn với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân của cán bộ, chiến sĩ.

Công tác lý luận luôn là một trong những hoạt động có vai trò quan trọng hàng đầu trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và trong xây dựng Quân đội “tinh, gọn, mạnh”, tiến lên hiện đại. Theo đó, giáo dục, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, xây dựng và củng cố niềm tin, mục tiêu, lý tưởng chiến đấu, lòng trung thành vô hạn với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân của cán bộ, chiến sĩ, công tác lý luận có vai trò đặc biệt quan trọng. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, giáo dục chính trị cốt là phải giáo dục lòng yêu nước cho cán bộ, chiến sĩ; Người chỉ rõ: “Dân ta phải biết sử ta/ Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”². Vì vậy, thực hiện chức năng giáo dục chính trị tư tưởng, công tác lý luận giáo dục cho bộ đội hiểu rõ về tình yêu quê hương, đất nước và con người; hướng về nhân dân, lấy nhân dân làm gốc; phải có trách nhiệm bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; ý thức sâu sắc về độc lập dân tộc, lòng tự hào về truyền thống lịch sử vẻ vang của dân tộc, của Đảng, của Quân đội nhân dân Việt Nam anh

hùng; tự hào về nền văn hóa Việt Nam với những giá trị tinh thần bền vững, sức mạnh trường tồn của dân tộc.

Mặt khác, thông qua giáo dục “lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa,... nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, khát vọng vươn lên; nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với đất nước, với xã hội”³. Làm cho cán bộ, chiến sĩ luôn kiên định với mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lấy mục tiêu cách mạng của Đảng, của dân tộc làm lý tưởng và mục tiêu phấn đấu, coi đó là biểu hiện tập trung của lòng trung thành với Đảng, của đức hiếu với dân; kiên quyết đấu tranh phòng, chống có hiệu quả những biểu hiện phai nhạt, xa rời mục tiêu, lý tưởng chiến đấu, mơ hồ về chính trị; đồng thời, góp phần xây dựng, hoàn thiện và phát triển nhân cách người quân nhân cách mạng, phẩm chất cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ” cho cán bộ, chiến sĩ.

Ba là, công tác lý luận có vai trò quan trọng hàng đầu trong xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị, làm cơ sở để nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của Quân đội.

Xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị là nhân

tố quyết định sự trưởng thành và chiến thắng của Quân đội ta. Đánh giá cao vai trò của nhân tố chính trị tinh thần trong quân đội, V.I.Lênin khẳng định: “Trong mọi cuộc chiến tranh, rốt cuộc thắng lợi đều tùy thuộc vào tinh thần của quần chúng đang đổ máu trên chiến trường”⁴; Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Quân sự mà không có chính trị như cây không có gốc, vô dụng lại có hại”⁵ và “phải tăng cường công tác chính trị, luôn luôn nâng cao trình độ chính trị và giác ngộ giai cấp của bộ đội ta”⁶. Thực chất xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị là giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc, đảm bảo cho Quân đội luôn là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành của Đảng, Nhà nước và nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng. Hiện nay, xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị đứng trước thời cơ và thách thức mới, đặt ra yêu cầu ngày càng cao. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất

của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh”⁷. Công tác lý luận trực tiếp góp phần xây dựng nền tảng tư tưởng của Đảng, bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc trong Quân đội, xây dựng hệ thống tổ chức đảng, tổ chức chỉ huy, tổ chức quần chúng, các cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”. Xây dựng, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng chính trị cho cán bộ, chiến sĩ. Nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị định hướng tư tưởng cho bộ đội, công tác bảo vệ bảo vệ an ninh, dân vận và chính sách; phát huy hiệu lực, hiệu quả hoạt động công tác đảng, công tác chính trị trong các nhiệm vụ.

Quan triệt quan điểm của Đảng về “kết hợp chặt chẽ nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn”⁸. Thông qua nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tạo cơ sở vững chắc để đề ra biện pháp phù hợp đối với xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị, nhất là bổ sung và phát triển lý luận bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam tinh

nhuệ về chính trị trong điều kiện mới. Đồng thời, “Chủ động nghiên cứu, nắm bắt dự báo đúng tình hình, không để bị động, bất ngờ”⁹; từ đó, tham mưu với Đảng, Nhà nước hoạch định chủ trương, đường lối, đối sách, chiến lược bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa”, xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, không để bị động, bất ngờ; ngăn chặn, đẩy lùi, hóa giải các nguy cơ bất lợi cả ở bên trong và bên ngoài, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, biên giới, biển đảo, tạo môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước.

Bốn là, công tác lý luận trực tiếp góp phần xây dựng, củng cố hệ thống cấp ủy, tổ chức đảng các cấp và Đảng bộ Quân đội trong sạch, vững mạnh, mẫu mực, tiêu biểu về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Đảng cần phải giáo dục và yêu cầu đảng viên ra sức học tập lý luận, mở rộng tự phê bình và phê bình, đấu tranh với những tư tưởng “phi vô sản”. Đảng phải chống cái thói xem nhẹ học tập lý luận. Vì không học lý luận thì chí khí kém kiên quyết, không trông xa thấy rộng, trong lúc

đấu tranh để lạc phương hướng, kết quả là “mù chính trị”, thậm chí hủ hóa, xa rời cách mạng”¹⁰. Thông qua học tập, nghiên cứu lý luận sẽ góp phần trang bị cho cán bộ, đảng viên tinh thần, cách thức và phương pháp xử lý công việc; cán bộ, đảng viên có lý luận soi đường sẽ hành động đúng, trở thành những cán bộ, đảng viên tốt, sẽ hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân; đội ngũ cấp ủy viên, cán bộ chủ trì lãnh đạo, chỉ huy các cấp tự giác, nêu gương tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, lối sống xã hội chủ nghĩa; hình ảnh, phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” tiếp tục được giữ vững và làm sâu sắc hơn trong lòng nhân dân.

Cùng với đó, công tác lý luận góp phần quan trọng vào việc xác định đúng chủ trương, biện pháp lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong Đảng bộ Quân đội; quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm đường lối chính trị, quân sự của Đảng; giữ vững và chấp hành nghiêm nguyên tắc Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với Quân đội. Xây dựng, củng cố các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ Quân đội trong sạch vững

mạnh về tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu; chấp hành nghiêm nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, nội bộ đoàn thống nhất. Mặt khác, thông qua nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về cán bộ và công tác cán bộ, góp phần quan trọng xây dựng đội ngũ cán bộ Quân đội đủ về số lượng, có cơ cấu hợp lý, chất lượng cao, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu xây dựng Quân đội cách mạng, chính tinh nhuệ, hiện đại.

Năm là, công tác lý luận giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; làm thất bại âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình”, “phi chính trị hóa” Quân đội.

Ngày nay, bước sang thời kỳ mới, toàn Đảng, toàn quân tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Nhưng sự nghiệp đó đang diễn ra trong điều kiện cuộc đấu tranh giữa ta

và địch trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận hết sức gay go và quyết liệt. Các thế lực thù địch, phản động tiếp tục gia tăng các hoạt động chống phá phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; phủ nhận những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước. Đẩy mạnh hoạt động xuyên tạc lịch sử; lợi dụng các sự kiện chính trị quan trọng liên quan đến các vấn đề tranh chấp chủ quyền trên biển Đông, ô nhiễm môi trường, hay những vấn đề liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Đảng ta, tung tin thất thiệt trên các trang mạng xã hội gây hoang mang trong dư luận, tạo nên sự hiểu nhầm của người dân, sự hoài nghi vào cấp ủy, chính quyền các cấp... Trong hoạt động chống phá Quân đội, các thế lực thù địch, phản động đặc biệt coi trọng thực hiện âm mưu “phi chính trị hóa” Quân đội. Chúng tăng cường xuyên tạc đường lối, chủ trương của Đảng, chia rẽ Đảng với Quân đội, hạ thấp vai trò công tác đảng, công tác chính trị; đồng thời, tấn công vào đạo đức, lối sống của cán bộ, chiến sĩ, từ đó tác động làm suy

yếu chính trị cách mạng của Quân đội, nhất là việc truyền bá dẫn lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền, chạy theo những thị hiếu thấp hèn, thờ ơ trước các vấn đề chính trị - xã hội... Do vậy, công tác lý luận lại càng giữ vai trò đặc biệt quan trọng.

Công tác lý luận giữ vai trò tiên phong trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, “phi chính trị hóa” Quân đội, giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng trong toàn quân. Đấu tranh tư tưởng, lý luận, trước hết nhằm khẳng định và bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Đa dạng hóa các hình thức đấu tranh trên cơ sở giữ vững quan điểm và nguyên tắc; mềm dẻo, linh hoạt, nhân văn trong phương pháp, công khai, minh bạch, dân chủ, góp phần tạo dư luận xã hội lành mạnh, đồng thuận. Mặt khác, công tác lý luận chủ động phê phán, bác bỏ các quan điểm

sai trái, thù địch. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng cho cán bộ, chiến sĩ, làm cho cán bộ, chiến sĩ hiểu rõ âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, “phi chính trị hóa” Quân đội; đối tượng, đối tác của cách mạng Việt Nam; đối tượng tác chiến của Quân đội; từ đó tạo khả năng “miễn dịch” cho cán bộ, chiến sĩ trước các thông tin xấu độc, cũng như tăng cường sức “đề kháng” để chủ động tiến công, kiên quyết đấu tranh không khoan nhượng với hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

Sáu là, công tác lý luận góp phần quan trọng trong ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; tham nhũng và tiêu cực.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đánh giá: “Một bộ phận cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, ngại khó, ngại khổ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”... Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí ở một số địa phương, bộ, ngành chưa có

chuyển biến rõ rệt; công tác phòng ngừa tham nhũng ở một số nơi còn hình thức”¹¹. Trong Quân đội, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” tuy chưa có biểu hiện rõ nét, phạm vi không rộng, tính chất chưa nghiêm trọng, song nó đang hiện hữu và ảnh hưởng trực tiếp đến việc giữ vững bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân, tính dân tộc; mục tiêu, lý tưởng chiến đấu của Quân đội. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XI đã chỉ rõ: “Chủ động đấu tranh phòng, chống những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”¹². Vì vậy, cùng với đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước làm cho cán bộ, chiến sĩ thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hiểu rõ cơ sở lý luận, thực tiễn của đường lối đổi mới; khơi dậy ý chí tự cường, tự tôn dân tộc. Cần phát huy tốt vai trò của công tác lý luận trong ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự

chuyển hóa” trong nội bộ; tham nhũng và tiêu cực.

Công tác lý luận trực tiếp góp phần định hướng tư tưởng, hướng dẫn hành động, nâng cao khả năng “đề kháng” của bộ đội trước những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường, toàn cầu hóa, âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội của các thế lực thù địch. Phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng; hiệu lực quản lý, điều hành của chính ủy, chính trị viên, người chỉ huy; vai trò tham mưu, hướng dẫn của cơ quan chính trị các cấp trong phòng, chống suy thoái về tư

tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Bên cạnh đó, công tác lý luận góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả tự phê bình và phê bình; xây dựng đội ngũ cán bộ Quân đội vững mạnh, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân; có phẩm chất đạo đức trong sáng, lối sống trong sạch, lành mạnh. Phát huy nhân tố tích cực, đẩy lùi tiêu cực, lạc hậu; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng, quan liêu, tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực trong Quân đội ■

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.580.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.259.

^{3, 7, 9, 11} ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.143, 160, 98, 92.

⁴ V.I. Lênin: *Toàn tập*, t.41, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, tr.147.

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.217.

^{6, 10} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.8, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.29, 280.

⁸ Bộ Chính trị: *Nghị quyết số 37-NQ/TW*, ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị “Về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030”, Hà Nội.

¹² Tổng cục Chính trị: *Tài liệu nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025* (Dùng cho cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ Quân đội), Hà Nội, 2021, tr.51.

ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1975-2025

● GS, TS LÊ VĂN LỢI

Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

1. Quan niệm về đời sống văn hóa của đội ngũ trí thức

Hiện có nhiều quan niệm về đời sống văn hóa: “Đời sống văn hóa là kết quả của hoạt động tương tác giữa con người với môi trường văn hóa, tạo nên diện mạo cũng như chiều sâu của đời sống tinh thần con người, thể hiện chất lượng sống và góp phần hình thành nhân cách”¹; “Đời sống văn hóa là một bộ phận của đời sống xã hội, bao gồm tổng thể những yếu tố hoạt động văn hóa vật chất và tinh thần, những tác động qua lại lẫn nhau trong đời sống xã hội để tạo ra những quan hệ có văn hóa trong cộng đồng, trực tiếp hình thành nhân cách và lối sống của con người”²... Tuy vậy, về cơ bản các ý kiến đều thống nhất xác định đời sống văn hóa là một bộ phận của đời sống xã hội, phản ánh hiện thực sinh

động, phong phú các hoạt động của con người trong môi trường sống nhằm thỏa mãn nhu cầu văn hóa của mình, từ đó hướng con người đến các giá trị, chuẩn mực xã hội nhất định, góp phần nâng cao chất lượng sống và hoàn thiện con người.

Như vậy, đời sống văn hóa được cấu thành bởi các yếu tố: Chủ thể (con người với nhu cầu văn hóa và cách thức thực hiện các nhu cầu văn hóa của mình); các hoạt động văn hóa (hoạt động bảo vệ, lưu giữ, phát huy các giá trị văn hóa; sáng tạo, truyền thụ, hưởng thụ các sản phẩm văn hóa...); thể chế và các thiết chế văn hóa (các quy định, các hướng dẫn, các chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện các hoạt động văn hóa; hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức các hoạt động văn hóa); Sản phẩm văn

hóa (là sản phẩm được sáng tạo từ các hoạt động văn hóa của con người, bao gồm các sản phẩm văn hóa vật chất và tinh thần).

Đội ngũ trí thức là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu tri thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội³. Họ cũng chính là lực lượng quan trọng trong việc tạo ra các giá trị văn hóa tinh thần và vật chất, kiến tạo đời sống văn hóa lành mạnh, nhân văn, khoa học cho xã hội. Đội ngũ trí thức, với năng lực, trình độ và điều kiện giao lưu, tiếp xúc trong môi trường tri thức trong nước, quốc tế có sự nhạy cảm, thức thời trước những biến chuyển của xã hội, thời đại.

Do đó, đời sống văn hóa của đội ngũ trí thức, ngoài những đặc điểm của đời sống văn hóa toàn dân nói chung còn có những nét riêng, mang tính đặc thù của chủ thể. Là tầng lớp tinh hoa của xã hội, các hoạt động văn hóa của đội ngũ trí thức, từ hoạt động sáng tạo, phổ biến, bảo vệ, phát huy giá trị văn hóa dân tộc đến hoạt động

thường thức, tiêu dùng văn hóa đều có tính chất tinh hoa, tiêu biểu, tiên phong, tiên tiến. Đội ngũ trí thức không chỉ được đào tạo, bồi dưỡng trình độ cao về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ mà còn là những người được rèn luyện về bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống, được mở rộng tầm nhìn, nhận thức... Vì vậy, trong các hoạt động văn hóa chung của cộng đồng, họ luôn là những người có vai trò định hướng, dẫn dắt và ảnh hưởng, tác động sâu sắc. Đội ngũ trí thức cũng như những người dân khác trong xã hội đều tham gia sáng tạo, bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa chung, tạo nên tính toàn diện của nền văn hóa. Tuy nhiên, với các hoạt động văn hóa được thực hiện bằng tình cảm, tâm huyết và trí tuệ, năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, đội ngũ trí thức là lực lượng chính tạo ra những sản phẩm tinh hoa, những giá trị văn hóa đỉnh cao cho xã hội.

Đời sống văn hóa thể hiện ở những mối quan hệ, ứng xử tốt đẹp giữa người với người, ở tinh thần tôn trọng, chấp nhận sự khác biệt và tính đa dạng văn hóa. Xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh sẽ tạo động lực tinh thần,



Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với nội dung khuyến học, khuyến tài góp phần nâng cao ý thức tự học tập của người dân

— Ảnh: baolamdong.vn

khai phóng những ý tưởng sáng tạo, những phát minh, sáng chế của đội ngũ trí thức. Xây dựng đời sống văn hóa với những hoạt động văn hóa, văn nghệ phong phú, đa dạng sẽ giúp người trí thức tái tạo năng lượng, cân bằng trạng thái, khơi nguồn cảm xúc để có nhiều công trình, tác phẩm mới, đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Trong mối tương quan giữa đời sống văn hóa với đội ngũ trí thức, có thể thấy đội ngũ trí thức chính là lực lượng quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, kiến

tạo diện mạo đời sống văn hóa của cộng đồng, dân tộc. Đồng thời, đời sống văn hóa cộng đồng cũng góp phần hình thành những nhà trí thức tiêu biểu có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo; giàu lòng yêu nước, có đạo đức và lý tưởng cách mạng, gắn bó với Đảng, Nhà nước và dân tộc.

2. Quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về xây dựng đời sống văn hóa cho đội ngũ trí thức

Với phương châm “phát huy yếu tố con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất của mọi

hoạt động”, Đại hội lần thứ VI (1986) - Đại hội khởi đầu đổi mới Đảng ta đã xác định “chăm lo đáp ứng các nhu cầu giáo dục, văn hóa”⁴ là nhiệm vụ quan trọng để nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991) cũng xác định một trong các mục tiêu xây dựng nền văn hóa mới là phải: “tạo ra một đời sống tinh thần cao đẹp, phong phú và đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ và tiến bộ”⁵. Như vậy, mặc dù chưa bàn trực tiếp đến thuật ngữ đời sống văn hóa, nhưng định hướng của

Đảng đã chỉ rõ bản chất, vai trò của đời sống văn hóa là nhu cầu thiết yếu của đời sống con người và hướng con người đến sự phát triển tốt đẹp hơn.

Nghị quyết Trung ương năm, khóa VIII của Đảng đề cập trực tiếp nhiệm

vụ xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng môi trường văn hóa: “Tạo ra ở các đơn vị cơ sở (gia đình, làng, bản, xã, phường, khu tập thể, cơ quan, xí nghiệp, nông trường, lâm trường, trường học, đơn vị bộ đội...,

Cùng với đường lối đổi mới nói chung, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, trong đó có các nghị quyết chuyên đề về giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, văn hóa và văn nghệ... nhằm tạo điều kiện, môi trường văn hóa thuận lợi bảo đảm nhu cầu đời sống và hoạt động sáng tạo, cống hiến của đội ngũ trí thức Việt Nam ở trong và ngoài nước.

các vùng dân cư (đô thị, nông thôn, miền núi...) đời sống văn hóa lành mạnh, đáp ứng những nhu cầu văn hóa đa dạng và không ngừng tăng lên của các tầng lớp nhân dân”.

Cùng với đường lối đổi mới nói chung, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, trong đó có các nghị quyết chuyên đề về giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, văn hóa và văn nghệ... nhằm tạo điều kiện, môi trường văn hóa thuận lợi bảo đảm nhu cầu đời sống và hoạt động sáng tạo,

cống hiến của đội ngũ trí thức Việt Nam ở trong và ngoài nước. Gần đây, Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 về tiếp tục xây dựng và

phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới, trong đó tiếp tục đề ra nhiệm vụ cấp bách, đó là phải “có cơ chế phát huy dân chủ, tôn trọng tự do sáng tạo, đề cao đạo đức, trách nhiệm của trí thức trong hoạt động khoa học, công nghệ, giáo dục và đào tạo; trong văn hoá, văn học, nghệ thuật. Tạo điều kiện và khuyến khích đội ngũ trí thức tham gia đóng góp ý kiến, tư vấn, phản biện, giám định xã hội đối với việc hoạch định chính sách, xây dựng và triển khai các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, công trình, dự án quan trọng thực hiện mục tiêu phát triển đất nước”. Như vậy, thực hành dân chủ, đảm bảo tự do sáng tạo, đề cao ý thức trách nhiệm của trí thức sẽ góp phần tạo môi trường, đời sống văn hóa lành mạnh để người trí thức yên tâm cống hiến, sáng tạo.

Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, hệ thống các quy định pháp luật, các chính sách của Nhà nước từ sau khi đất nước thống nhất đến nay cũng từng bước hoàn thiện, tạo môi trường để đội ngũ trí thức xây dựng và thụ hưởng đời sống văn hóa lành

mạnh. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 dành 3 điều quy định liên quan đến đời sống văn hóa: Nhà nước, xã hội chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Nhà nước, xã hội phát triển văn học, nghệ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần đa dạng và lành mạnh của Nhân dân... (Điều 60); Mọi người có quyền sáng tạo... văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó (Điều 40); Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa” (Điều 41). Ngoài ra, các vấn đề liên quan đến đời sống văn hóa của đội ngũ trí thức còn được quy định trong các luật chuyên ngành như Luật Di sản văn hóa; Luật thư viện; Luật Điện ảnh; Luật xuất bản; Luật Quảng cáo; Luật Sở hữu trí tuệ; Luật An ninh mạng; Luật Thi đua khen thưởng... Đồng thời, Nhà nước xây dựng, thực hiện nhiều chính sách về đổi mới, phát triển giáo dục đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, nghệ thuật...; các chính sách sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh trí thức; lập các giải

thường quốc gia, phong tặng các chức danh khoa học và các danh hiệu cao quý nhằm tạo môi trường khuyến khích, phát huy vai trò của đội ngũ trí thức...

Có thể thấy, mặc dù chưa có một văn bản pháp lý riêng về xây dựng đời sống văn hóa của đội ngũ trí thức nhưng hệ thống chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong giai đoạn vừa qua về xây dựng văn hóa, con người và các vấn đề liên quan đã cơ bản tạo được môi trường chính trị, pháp lý minh bạch, tạo điều kiện cho đội ngũ trí thức được tham gia xây dựng đời sống văn hóa, sáng tạo, bảo vệ và thụ hưởng thành quả của nền văn hóa dân tộc.

3. Thực trạng đời sống văn hóa của đội ngũ trí thức giai đoạn 1975-2025

Thứ nhất, về hoạt động sáng tạo, bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa của đội ngũ trí thức

Với sự quan tâm, đầu tư của Đảng,

Nhà nước, đội ngũ trí thức Việt Nam không ngừng trưởng thành, lớn mạnh, có nhiều đóng góp lớn vào sự nghiệp phát triển đất nước nói chung và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến,

đậm đà bản sắc dân tộc nói riêng. Nhiều trí thức tài năng và tâm huyết đã tiên phong trong việc đổi mới tư duy nhận thức, đi sâu nghiên cứu, kế thừa thành tựu trong nước, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để bổ sung, phát triển lý luận về văn hóa, về vai trò của văn hóa đối với phát triển bền vững đất nước. Những kết quả nghiên cứu này đã tham mưu tư vấn đặc

lực cho việc hoạch định đường lối, chính sách văn hóa của Đảng và Nhà nước trong bước khởi đầu đổi mới và trong suốt tiến trình đổi mới. Có thể khẳng định, những thành tựu quan trọng trong phát triển tư duy lý luận về văn hóa của Đảng; nhận thức về văn hóa của các cấp, các ngành và toàn dân được nâng lên... có được nhờ sự cống hiến, sáng tạo của đội ngũ trí thức.

Từ khi đất nước thống nhất đến nay, đội ngũ trí thức cũng là lực lượng tích cực, chủ động, tiên phong đi đầu trong xây dựng đời sống mới, xây dựng đời sống văn hóa. Họ là chủ thể đi đầu trong thực hiện nếp sống thanh lịch, văn minh, nếp sống văn hóa trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Họ cũng là lực lượng quan trọng trong việc xây dựng và thực hiện các bộ quy tắc ứng xử văn hóa nơi công cộng, nếp sống văn hóa với những mô hình hay, cách làm sáng tạo. Điều đó đã góp phần quan trọng làm cho không chỉ đời sống văn hóa của trí thức mà của cộng đồng ngày càng phong phú, tươi vui, lành mạnh với nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được phát huy, nhiều giá trị văn hóa tiến bộ của nhân loại được kế thừa, nhiều chuẩn mực văn hóa, đạo đức mới được hình thành... Với tài năng, tâm huyết và sức sáng tạo, đội ngũ trí thức không ngừng làm phong phú, đa dạng thêm cho văn hóa dân tộc, tạo nên những đỉnh cao và củng cố thêm nền tảng văn hóa dân tộc. Điều này được minh chứng rõ nét bằng những thành tựu vượt bậc trong lĩnh vực sáng tạo, phổ biến văn học, nghệ thuật và cung ứng các sản phẩm

và dịch vụ văn hóa nói chung trong giai đoạn vừa qua. Điều đó đã đáp ứng được những nhu cầu văn hóa của thời đại mới.

Mặt khác, đội ngũ trí thức cũng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn các giá trị di sản văn hóa truyền thống của dân tộc, phát huy và lan tỏa những giá trị văn hóa dân tộc đến với bạn bè quốc tế. Đội ngũ trí thức chính là những người gương mẫu thực hành và bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc trong cộng đồng, vận động và đồng hành cùng người dân bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Trí thức cũng là lực lượng quảng bá, lan tỏa các giá trị văn hóa dân tộc thông qua việc tư liệu hóa các giá trị văn hóa, quảng bá các giá trị văn hóa đến với công chúng ngoài nước, góp phần củng cố, phát huy sức mạnh mềm của đất nước. Họ cũng là những người có khả năng lựa chọn, tiếp biến tinh hoa văn hóa nhân loại, góp phần làm giàu văn hóa dân tộc.

Thứ hai, về hoạt động thường thức, tiêu dùng các sản phẩm và dịch vụ văn hóa của đội ngũ trí thức

Cũng như các chủ thể khác tham

gia vào đời sống văn hóa, đội ngũ trí thức không chỉ sáng tạo, phổ biến, bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa mà còn là chủ thể tiếp nhận, thưởng thức, tiêu dùng các sản phẩm và dịch vụ văn hóa, vừa là đối tượng chịu sự tác động của các sản phẩm đó.

Sự khác biệt của đội ngũ trí thức so với các chủ thể khác là họ là những người có năng lực, trình độ thưởng thức, tiêu dùng, họ có những yêu cầu cao hơn về các tiêu chí giá trị của sản phẩm, do đó cũng là động lực để sáng tạo, phổ biến các sản phẩm và dịch vụ văn hóa chất lượng cao. Sự ủng hộ và phản hồi tích cực đội ngũ trí thức và những yêu cầu cao về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của họ góp phần thúc đẩy sự sáng tạo và động lực cho các nhà sáng tác, sản xuất, cung cấp tiếp tục nâng cao chất lượng, phát triển sản phẩm và dịch vụ của mình.

Đội ngũ trí thức không chỉ thưởng thức, tiêu dùng sản phẩm và dịch vụ văn hóa để thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà còn là những chuyên gia thẩm định, đánh giá, phản biện những sản phẩm và dịch vụ văn hóa. Do đó, những nhu cầu văn hóa, những xu hướng tiêu dùng văn hóa tích cực,

lành mạnh của đội ngũ trí thức nước ta trong giai đoạn vừa qua đã góp phần định hướng, giáo dục, nâng cao năng lực thẩm mỹ cho người dân.

Thứ ba, về hệ thống thiết chế văn hóa phục vụ hoạt động văn hóa của đội ngũ trí thức

Hệ thống thiết chế văn hóa là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo các giá trị văn hóa của người dân. Nhà nước “tạo điều kiện để nhân dân ngày càng nâng cao trình độ thẩm mỹ và thưởng thức nghệ thuật, trở thành những chủ thể sáng tạo văn hóa, đồng thời hưởng thụ ngày càng nhiều các thành quả văn hóa...”⁶ thông qua việc xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa này. Theo đó, hệ thống thiết chế văn hóa từ Trung ương đến địa phương, trong đó có thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, trung tâm văn hóa nghệ thuật, các rạp hát, sân khấu... đã từng bước vượt qua sự lúng túng để chuyển đổi cơ chế, phương thức hoạt động. Cơ sở vật chất được tăng cường; một số công trình văn hóa quy mô lớn, hình thức kiến trúc đẹp, hiện đại đã được xây dựng. Một số loại hình thiết chế văn hóa ngoài công lập như bảo

tàng, thư viện, trung tâm văn hóa, các câu lạc bộ... do tư nhân thành lập có ít nhiều mang dấu ấn của đội ngũ trí thức. Những không gian này là nơi các trí thức văn nghệ sĩ giao lưu với bạn bè, đồng nghiệp và công chúng, là nơi trưng bày các sản phẩm văn hóa, các tài sản văn hóa có giá trị mà những người trí thức đã say mê sưu tầm, cống hiến.

Ngoài ra, trong bối cảnh đổi mới sáng tạo hiện nay, để đáp ứng nhu cầu sáng tạo, thụ hưởng các giá trị văn hóa, đội ngũ trí thức, đặc biệt là những trí thức trẻ đã thúc đẩy sự phát triển của các không gian văn hóa, không gian sáng tạo mới. Không gian sáng tạo là “một địa điểm, có thể là địa điểm thực hoặc địa điểm trực tuyến, là nơi đem những con người sáng tạo đến với nhau. Đó là nơi tụ họp, chia sẻ không gian và hỗ trợ cho các hoạt động kết nối, phát triển kinh doanh và thu hút cộng đồng trong các lĩnh vực sáng tạo, văn hóa và công nghệ” (theo Hội đồng Anh).

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả, lợi ích đã đạt được, đời sống văn hóa của đội ngũ trí thức giai đoạn 1975-2025 còn có những hạn chế, bất cập. Điều

kiện cơ sở vật chất, các phương tiện phục vụ hoạt động văn hóa của người dân nói chung, phục vụ các hoạt động văn hóa của đội ngũ trí thức nói riêng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế. Đội ngũ trí thức chất lượng cao, trí thức tinh hoa, chuyên gia đầu ngành của các lĩnh vực còn thiếu, chưa có nhiều tập thể khoa học có uy tín ở khu vực và quốc tế, chưa có nhiều tài năng lớn trong sáng tạo văn học, nghệ thuật. Nhận thức, vốn sống, tầm nhìn của một bộ phận trí thức chưa theo kịp với những yêu cầu, biến chuyển nhanh chóng, sâu rộng của hiện thực đất nước. Môi trường văn hóa của đội ngũ trí thức có lúc, có nơi dân chủ, tự do chưa đi liền với kỷ cương, kỷ luật. Một bộ phận trí thức có hiện tượng lai căng, lệch chuẩn văn hóa gây ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống văn hóa xã hội, nhất là đối với giới trẻ. Một bộ phận trí thức còn thiếu tự tin, né tránh những vấn đề phức tạp, nhạy cảm trong xã hội. Một số trí thức chưa bắt nhịp được với sự phát triển của khoa học công nghệ để nâng cao sức sáng tạo. Một số trí thức vi phạm đạo đức nghề nghiệp, suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, thậm chí vi phạm pháp luật.

Trước bối cảnh giao lưu, hội nhập quốc tế mạnh mẽ, một số trí thức thiếu bản lĩnh, xem nhẹ, lãng quên văn hóa truyền thống của dân tộc, và tiếp thu vô vậ văn hóa nước ngoài.

Thành tựu trong xây dựng đời sống văn hóa của đội ngũ trí thức trong giai đoạn vừa qua chưa đủ tầm mức để tác động hiệu quả đến xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh. Hàng năm các con số “Gia đình văn hóa”, “Làng, bản, khu phố, cơ quan...văn hóa” vẫn tiếp tục gia tăng nhưng tệ nạn xã hội, sự suy thoái về đạo đức, lối sống ở một bộ phận trí thức, tình trạng di sản văn hóa bị mai một, xâm hại vẫn chưa được đẩy lùi, ngăn chặn một cách hiệu quả.

4. Một số vấn đề đặt ra và giải pháp nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của đội ngũ trí thức Việt Nam hiện nay

4.1. Một số vấn đề đặt ra trong đời sống văn hóa của đội ngũ trí thức

Từ thực trạng đời sống văn hóa của đội ngũ trí thức trong gần 50 năm qua có thể nhận thấy một số vấn đề đặt ra cần giải quyết như sau:

Một là, nhu cầu văn hóa của đội ngũ trí thức ngày càng cao và đa dạng

nhưng thực tiễn xây dựng phát triển văn hóa đất nước nói chung, xây dựng đời sống văn hóa nói riêng chưa đáp ứng đúng mức

Đội ngũ trí thức là những người có năng lực và khát vọng sáng tạo, cống hiến, và đa phần, họ đều ý thức được trọng trách đó. Đảng ta đã khẳng định: “Trong mọi thời đại, trí thức luôn là nền tảng tiến bộ xã hội, đội ngũ trí thức là lực lượng nòng cốt sáng tạo và truyền bá tri thức. Ngày nay, cùng với sự phát triển nhanh chóng của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, đội ngũ trí thức trở thành nguồn lực đặc biệt quan trọng, tạo nên sức mạnh của mỗi quốc gia trong chiến lược phát triển”⁷. Tuy nhiên, trong thực tế, môi trường, điều kiện để lao động sáng tạo và thụ hưởng văn hóa của đội ngũ trí thức vẫn chưa tương xứng, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của đội ngũ trí thức. Cơ chế chính sách và nguồn lực chưa thực sự thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; chưa có chế độ khuyến khích, đãi ngộ phù hợp để phát huy hết vai trò, trách nhiệm, tiềm năng của đội ngũ trí

thức trong xây dựng đời sống văn hóa cộng đồng.

Mặc dù đã có nhiều chủ trương, chính sách quan trọng nhằm phát triển đội ngũ trí thức trưởng thành lớn mạnh, nhưng với tư cách là “đội ngũ tinh hoa”, “lực lượng nòng cốt”, “giữ vai trò quan trọng” trong sự nghiệp văn hóa, vẫn chưa có những chính sách đặc thù để tạo điều kiện, thúc đẩy đội ngũ trí thức thực hiện trọng trách này. Tâm tư, nguyện vọng và các vấn đề tư tưởng của đội ngũ trí thức, có lúc vẫn chưa được nắm bắt, giải quyết kịp thời.

Hai là, đội ngũ trí thức được coi là “tầng lớp tinh hoa” trong xã hội, giữ vai trò quan trọng, là lực lượng nòng cốt trong xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh nhưng trong thực tế lại có một bộ phận trí thức có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống

Phần lớn, đội ngũ trí thức là cán bộ, đảng viên, nhiều người giữ chức vụ, trọng trách cao trong hệ thống chính trị. Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” đã nhận định: “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả

một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc...”. Trong đó, còn có “một bộ phận văn nghệ sĩ có biểu hiện suy thoái về lập trường tư tưởng chính trị, phai nhạt lý tưởng, cơ hội chủ nghĩa, chỉ tập trung chạy theo thị hiếu tầm thường, thiếu lành mạnh của một bộ phận công chúng”⁸. Như vậy, nếu những người có trọng trách tiên phong, “dẫn đường”, là lực lượng nòng cốt trong xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, văn minh cho cộng đồng lại suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống tiêu dùng xa hoa, cách biệt với số đông người dân trong xã hội sẽ không hoàn thành được sứ mệnh của mình, thậm chí còn có tác động, ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống văn hóa cộng đồng.

Ba là, để hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc cần có đội ngũ trí thức có đời sống văn hóa văn minh nhưng trên thực tế có một bộ phận trí thức đời sống vật

chất còn khó khăn và đời sống tinh thần nghèo nàn, đơn điệu.

Một bộ phận trí thức rất tâm huyết song gặp khó khăn trong tìm kiếm việc làm, phát huy tài năng, phát triển nghề nghiệp, nhất là trí thức hoạt động trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học xã hội nhân văn và văn hóa nghệ thuật truyền thống. Một bộ phận trí thức có thu nhập cao, song có biểu hiện xa rời văn hóa truyền thống của dân tộc, có biểu hiện sính ngoại văn hóa, chạy theo thị hiếu tầm thường của một bộ phận công chúng nên ít có các sản phẩm sáng tạo góp phần lan tỏa và phát huy giá trị, sức mạnh của văn hóa dân tộc. Do đó, trên một số phương diện, đời sống văn hóa nói chung, đời sống văn hóa của đội ngũ trí thức nói riêng chưa thực sự trở thành nguồn lực, động lực cho đổi mới, sáng tạo của chính đội ngũ trí thức, qua đó phát huy vai trò của trí thức nhằm phát triển đất nước nhanh và bền vững.

4.2. Giải pháp nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của đội ngũ trí thức Việt Nam

Thứ nhất, tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, nâng cao nhận thức, trách

nhiệm cho đội ngũ trí thức trong việc tham gia xây dựng đời sống văn hóa.

Đội ngũ trí thức giữ vai trò nòng cốt trong xây dựng văn hóa nói chung, trong xây dựng đời sống văn hóa nói riêng, vì vậy đội ngũ trí thức phải luôn ý thức được sứ mệnh quan trọng của mình. Người trí thức không chỉ tham gia vào đời sống văn hóa (sáng tạo, bảo vệ, phát huy, thụ hưởng các giá trị văn hóa) nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân, trách nhiệm cá nhân liên quan đến công việc chuyên môn mà còn phải là người dẫn dắt, tiên phong trong mọi hoạt động văn hóa của cộng đồng. Đội ngũ trí thức phải là những người gương mẫu thực hiện và vận động nhân dân thực hiện tốt các chuẩn mực đạo đức, lối sống, nếp sống tốt đẹp của cộng đồng. Bài học kinh nghiệm của Đảng, Nhà nước ta trong cách mạng dân tộc dân chủ cho thấy, công tác giáo dục chính trị tư tưởng đã góp phần quan trọng xây dựng một lực lượng tinh hoa hùng hậu và yêu nước, từ những trí thức còn bán khoán “nhận đường” đều đã tập hợp dưới lá cờ Đảng, trở thành những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận văn hóa, sẵn sàng chiến đấu vì độc lập dân tộc, tự do,

hạnh phúc của nhân dân. Do đó, các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức hội trí thức, hội văn hóa, nghệ thuật phải đặc biệt quan tâm đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng, vận động, thuyết phục, kịp thời nắm bắt, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của đội ngũ trí thức để kịp thời động viên, khích lệ trí thức tích cực tham gia xây dựng đời sống văn hóa trong đơn vị, cơ quan, tổ chức của mình và trong đời sống văn hóa xã hội.

Thứ hai, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định pháp luật về đời sống văn hóa của đội ngũ trí thức nhằm xây dựng hành lang pháp lý khoa học, minh bạch và môi trường thuận lợi cho đội ngũ trí thức tích cực tham gia đời sống văn hóa.

Đội ngũ trí thức được khẳng định là lực lượng nòng cốt, giữ vai trò quan trọng trong xây dựng phát triển văn hóa nói chung, đời sống văn hóa nói riêng, vì vậy cần có các cơ chế, chính sách đặc thù về đời sống văn hóa cho đội ngũ này. Quy định cụ thể về quyền, lợi ích, trách nhiệm của đội ngũ trí thức trong việc tham gia đời sống văn hóa, nhất là đời sống văn hóa khoa học, văn hóa giáo dục, văn hóa nghệ

thuật, văn hóa chính trị, văn hóa mạng xã hội; Xây dựng các chính sách thu hút, đãi ngộ, tôn vinh thích đáng đối với trí thức. Chú trọng các chính sách và cơ chế để tạo điều kiện phát huy năng lực chuyên môn, khoa học của các nhà khoa học, các chuyên gia trình độ cao, những tài năng lớn trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; tôn trọng, bảo vệ điều kiện sáng tạo, phổ biến và thụ hưởng, thẩm định các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật của đội ngũ trí thức; có các cơ chế, chính sách thúc đẩy sự phát triển của các loại hình thiết chế văn hóa ngoài công lập, các không gian văn hóa sáng tạo.

Thứ ba, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu xây dựng đời sống văn hóa trong thời kỳ mới

Đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa của toàn dân. Trong bối cảnh đất nước đổi mới mạnh mẽ và hội nhập sâu rộng, việc lan tỏa, quảng bá các giá trị văn hóa dân tộc, hình ảnh đất nước, con người Việt Nam đến với bạn bè quốc tế, góp phần gia tăng sức mạnh mềm, củng cố vị thế

quốc gia trên trường quốc tế càng đòi hỏi nhiều hơn những đóng góp của đội ngũ trí thức trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Do đó, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là kiến thức chuyên sâu, mới và cập nhật để đội ngũ trí thức Việt Nam có thể tự tin sáng tạo cùng bạn bè thế giới.

Thứ tư, tăng cường nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho việc tổ chức xây dựng đời sống văn hóa của đội ngũ trí thức

Nhà nước cần huy động mọi nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, đặc biệt là nguồn xã hội hóa đầu tư thích đáng cho việc tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật như: các hoạt động giáo dục văn hóa, nghệ thuật; các hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; các hoạt động sáng tạo nghệ thuật; các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa; các hoạt động thụ hưởng sản phẩm và dịch vụ văn hóa...

Đầu tư xây dựng các khu công nghệ cao, các trường đại học trọng điểm, các cơ sở phục vụ nghiên cứu và thực nghiệm hiện đại; Xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa đồng bộ, có các thiết

chế văn hóa nghệ thuật hiện đại, tương xứng với các hoạt động văn hóa nghệ thuật đỉnh cao, các sự kiện trọng đại của đất nước; Xây dựng và phát triển các không gian sáng tạo - nơi giao lưu, gặp gỡ, chia sẻ ý tưởng của đội ngũ trí thức nhằm thúc đẩy hoạt động sáng tạo, giáo dục thẩm mỹ của đội ngũ trí thức.

Thứ năm, đổi mới phương thức tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa trong đời sống của đội ngũ trí thức và đời sống xã hội

Đa dạng hóa các hình thức và nội dung tổ chức các hoạt động văn hóa, tùy theo tình hình thực tiễn của địa phương/ngành/đơn vị để lựa chọn các hoạt động văn hóa trọng tâm, mang đặc trưng, tránh dàn trải, lãng phí, không thu hút được người tham gia, hoặc tham gia một cách hình thức, không mang lại hiệu quả. Chú trọng phát huy vai trò nòng cốt của đội ngũ trí thức trong các hoạt động văn hóa, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

Tóm lại, đời sống văn hóa của đội ngũ trí thức là một bộ phận của đời sống văn hóa của xã hội. Đời sống văn hóa của đội ngũ trí thức không chỉ phản ánh, chịu tác động của văn hóa

xã hội mà còn có vai trò, tác động, ảnh hưởng mạnh mẽ, sâu sắc đến đời sống văn hóa xã hội. Trong giai đoạn 1975 -2025, đời sống văn hóa của đội ngũ trí thức Việt Nam đã có những chuyển biến mạnh mẽ, sâu sắc đáp ứng nhu cầu đời sống và hoạt động sáng tạo của đội ngũ trí thức, qua đó góp phần quan trọng cùng toàn Đảng, toàn dân ta thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực là cơ bản, đời sống

văn hóa của đội ngũ trí thức Việt Nam cũng có những hạn chế nhất định và những vấn đề đặt ra đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ, khả thi để bảo đảm ngày càng tốt hơn nhu cầu đời sống văn hóa và hoạt động sáng tạo, cống hiến của đội ngũ trí thức nước nhà. Bởi chăm lo xây dựng, phát triển đời sống văn hóa của đội ngũ trí thức - đội ngũ tinh hoa của dân tộc có vai trò, ý nghĩa rất quan trọng trong xây dựng đời sống văn hóa xã hội cũng như toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ■

¹ Trần Đức Ngôn: *Khái niệm và cấu trúc đời sống văn hóa*, Tạp chí *Nghiên cứu văn hóa*, số 21, tháng 9-2017, tr.6.

² *Bản về khái niệm đời sống văn hóa và môi trường văn hóa*, Nguồn: <https://smot.bvhttdl.gov.vn/ban-ve-khai-niem-doi-song-van-hoa-va-moi-truong-van-hoa>.

³ Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 6-8-2008, của Hội nghị Trung ương 7 khóa X “Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

^{4,5,6} ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005 tr.138, 322-323, 659.

⁷ Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 6-8-2008, của Hội nghị Trung ương 7 khóa X *về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.

⁸ Ban Tuyên giáo Trung ương: *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 23 của Bộ Chính trị (khóa X) về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”*, Số 247-BC/BTGTW, ngày 21/9/2018.

SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC LÝ LUẬN VỀ CNXH VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CNXH CỦA ĐẢNG TA QUA 40 NĂM ĐỔI MỚI

● PGS, TS VŨ VĂN HÀ

Thư ký Khoa học Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Nhận thức rõ hơn nội dung của thời kỳ quá độ

Sau khi thống nhất đất nước, cả nước cùng bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH, 10 năm trước đổi mới nhận thức của chúng ta vẫn theo tư duy cũ, chưa thấy được thời kỳ quá độ lên CNXH không chỉ là một quá trình lịch sử tương đối dài, mà còn phải trải qua nhiều chặng đường với những bước đi trung gian. Và với tư tưởng nóng vội, chủ quan, duy ý chí, muốn tiến nhanh, tiến mạnh lên CNXH.

Đại hội VI của Đảng, trên cơ sở tổng kết thực tiễn, Đảng khởi xướng đường lối đổi mới, cụ thể hóa bước đi và xác định rõ tính chất, nội dung của thời kỳ quá độ, khắc phục tư tưởng chủ quan, nóng vội và khẳng định rõ: “Thời kỳ quá độ ở nước ta do tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội từ một nền

sản xuất nhỏ, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, đương nhiên phải lâu dài và rất khó khăn. Đó là một thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện, triệt để nhằm xây dựng từ đầu một chế độ xã hội mới cả về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng”. Đặc biệt, bước vào Đại hội VII Đảng ta đã xác định rõ nội dung của chặng đường đầu tiên thông qua đổi mới toàn diện, ổn định vững chắc xã hội, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau. Như vậy, thời kỳ quá độ là thời kỳ dài và đầy khó khăn, với nhiều chặng đường chứ không phải là bước chuyển thẳng với bốn, năm kế hoạch 5 năm là có thể kết thúc.

Khía cạnh thứ hai trong bước chuyển nhận thức về thời kỳ quá độ là từ việc xác định bỏ qua *giai đoạn phát triển TBCN* đến xác định là bỏ qua *chế*

độ TBCN với những nội hàm cụ thể tại Đại hội IX của Đảng. Văn kiện Đại hội IX khẳng định: “Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại”. Tiếp đó *Cương lĩnh* 2011 (bổ sung, phát triển) đã chỉ rõ, đi lên CNXH: “là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen”. *Cương lĩnh* cũng xác định và làm sáng tỏ hơn về những nội dung phát triển trong thời kỳ quá độ lên CNXH, trong đó việc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa cần gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường; thực hiện phát triển nền

kinh tế nhiều thành phần; xây dựng, phát triển văn hoá, con người, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Thực hiện xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh.

Phân kỳ thời kỳ quá độ có sự tiếp cận mới trên cơ sở thực tiễn phát triển của đất nước cũng như từ kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới. Đảng ta đã định hướng rõ đến năm 2025 là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030 là nước đang phát triển, với công nghiệp hiện đại, có thu nhập trung bình cao, tăng trưởng kinh tế dựa trên KHCCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đến năm 2045 kỷ niệm 100 năm thành lập nước, Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, theo định hướng XHCN. Việc phân kỳ theo trình độ phát triển thể hiện bước tiếp cận mới, phù hợp với xu thế chung của thế giới và cũng cho

phép xác định rõ, lượng hóa cụ thể hơn nhiệm vụ của mỗi giai đoạn phát triển của đất nước.

Đi liền nhận thức rõ về nội dung, nhiệm vụ, bước đi của thời kỳ quá độ, điều cũng cần nhấn mạnh, thể hiện sự sáng tạo của Đảng là nhận rõ các điều kiện khách quan và chủ quan thực hiện quá độ lên CNXH trong bối cảnh mới khi mà không còn hệ thống các nước XHCN để quyết tâm, tin tưởng và kiên định con đường đã lựa chọn. *Cương lĩnh 1991* đã chỉ rõ các điều kiện như: chính quyền thuộc về nhân dân; đất nước đang đi vào giai đoạn hoà bình xây dựng; dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, có ý chí vươn lên mãnh liệt; nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, cần cù và sáng tạo; đất nước ta đã xây dựng được một số cơ sở vật chất ban đầu. Cuộc cách mạng KHCN hiện đại, cùng với xu hướng quốc tế hóa đời sống kinh tế thế giới là một thời cơ để phát triển. Với niềm tin đó, Đảng chủ động tiếp tục đã đẩy mạnh công cuộc đổi mới, đặc biệt trong hoạt động đối ngoại chủ động thực hiện chính sách hoà bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước, qua đó tạo môi trường cho phát triển, tranh

thủ vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý thực hiện phát triển rút ngắn, bỏ qua chế độ TBCN.

2. Nhận thức, xác định ngày càng rõ về mục tiêu, đặc trưng và phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc

Thứ nhất, nhận thức về mục tiêu phát triển. Bước vào Đại hội VI, với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật” Đảng ta đã phân tích tình hình và lần đầu tiên xác định rõ mục tiêu tổng quát của chặng đường đầu tiên là: “ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo”. Đây chính là cơ sở cho điều chỉnh, xác định mục tiêu cụ thể cho từng lĩnh vực phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước trong những năm đầu đổi mới. Tiếp theo tinh thần này, Đại hội VII cụ thể hóa mục tiêu trong nhiệm kỳ và phấn đấu “đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay”. Cũng tại Đại hội này, với phân tích bối cảnh thế giới và trong nước, với tầm nhìn chiến lược, Đảng đã có sự phát triển trong

xác định mục tiêu tổng quát của thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của CNXH, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh.

Về mục tiêu hướng tới, *Cương lĩnh* 1991 xác định: “Xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người”, và đến Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, Đảng ta xác định: “phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”. Đại hội IX, trong mục tiêu chung bổ sung thành tố dân chủ và xác định: “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Điều đáng lưu ý là, tại Đại hội XI, Đảng ta có nhận thức mới về vai trò, vị trí của các thành tố, với việc đưa thành tố dân chủ lên trên thành tố công bằng. Nếu không có dân chủ sẽ không thể có công bằng, có dân chủ mới phát huy được sáng tạo của các cá nhân, trong xã hội dân chủ, con người có điều kiện phát triển toàn diện. Đại hội XI đã khái quát hệ mục tiêu là: “Dân

giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Với tiếp cận về trình độ phát triển và mục tiêu phát triển là vì con người, Đại hội XII đã đưa thành tố phồn vinh và hạnh phúc vào mục tiêu. Theo tinh thần này, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong bài viết nhân kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đã khái quát mục tiêu hướng tới kỷ niệm 100 năm Ngày thành lập nước là: “phấn đấu đưa nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao; xây dựng đất nước Việt Nam ta ngày càng “cường thịnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc”.

Thứ hai nhận thức về các đặc trưng của xã hội XHCN mà Việt Nam hướng tới

Trong giai đoạn trước đổi mới, đặc trưng cơ bản của xã hội XHCN mà Việt Nam hướng tới xây dựng có nhiều nét tương đồng với đặc trưng của mô hình CNXH kiểu cũ đối lập với mô hình TBCN. Bước vào giai đoạn đổi mới, tổng kết các mô hình từ thực tiễn, Đảng ta đánh giá khái quát và đề xướng đường lối đổi mới với những nhận thức mới về đặc trưng của xã hội tương lai. Với sự đổi mới tư

duy, trước hết là tư duy kinh tế, Đảng đã thực hiện chuyển đổi mô hình từ kế hoạch hóa sang phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Quá trình đổi mới trong lĩnh vực kinh tế đã tạo những cơ sở và thúc đẩy các lĩnh vực khác đổi mới cả trên bình diện lý luận và thực tiễn. Đây chính là cơ sở để đến Đại hội VII, trong *Cương lĩnh 1991* Đảng đã có khái quát những nhận thức mới về 6 đặc trưng của xã hội XHCN mà nhân dân ta đang xây dựng. Đó là xã hội: Do nhân dân lao động làm chủ; Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Mặc dù các đặc trưng trên chưa bao quát hết các khía cạnh cơ bản của chính thể xã hội, nhưng nó cũng phản

ánh, cho thấy một bước chuyển lớn trong nhận thức của Đảng về một xã hội mới. Thực ra, mô hình về một xã hội tương lai do các nhà kinh điển đề xuất chỉ trên những nét phác thảo chung, hơn nữa bản thân các tác gia kinh điển cũng mới dựa trên nghiên cứu thực trạng xã hội phương Tây đương thời, chưa có khảo nghiệm các xã hội châu Á. Do vậy, xuất phát từ lý luận và thực tiễn phát triển, Đảng ta đã nêu 6 đặc trưng của xã hội mới - XHCN là một sự đóng góp rất có ý nghĩa vào lý luận về CNXH.

Sau 20 năm thực hiện *Cương lĩnh 1991*, *Cương lĩnh 2011* đã có sự bổ sung, phát triển, khái quát làm rõ hơn những đặc trưng của xã hội XHCN. *Cương lĩnh 2011* nêu 8 đặc trưng, thể hiện sự phát triển và hoàn thiện hơn trong nhận thức của Đảng về CNXH. "*Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh*

phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”.

Việc xác định hệ 8 đặc trưng với những nội hàm rõ ràng, thể hiện một bước tiến rất quan trọng trong nhận thức của Đảng về mô hình CNXH, những nhận thức này là cơ sở để định hướng cho hoạt động xây dựng CNXH trên thực tế. Đại hội XII, XIII tiếp tục khẳng định 8 đặc trưng và bổ sung làm rõ thêm nội hàm. Chẳng hạn Đại hội XII khẳng định rõ hơn nội hàm kinh tế thị trường định hướng XHCN và nêu khái quát những nội dung quan trọng về các bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đại hội XIII của Đảng xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống

nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước... Đặc biệt, những khẳng định về một xã hội tương lai mà Việt Nam hướng tới của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng góp phần sáng rõ hơn các đặc trưng CNXH Việt Nam: *“Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé”, vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm. Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và hủy hoại môi trường. Và, chúng ta cần một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân,*

chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có. Phải chăng những mong ước tốt đẹp đó chính là những giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội và cũng chính là mục tiêu, là con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn và đang kiên định, kiên trì theo đuổi”¹.

Thứ ba, nhận thức về phương hướng xây dựng CNXH.

Để hiện thực hóa CNXH qua các nhiệm kỳ Đại hội Đảng đều xác định các phương hướng cho mỗi giai đoạn nhất định gắn với nhiệm vụ đặt ra. Có thể thấy nhận thức về phương hướng xây dựng CNXH ngày càng sát với thực tế, tính khả thi ngày càng cao. Tại Đại hội VI, Đại hội của đổi mới đã xác định rõ các định hướng nhằm khắc phục những hạn chế, sai lầm, hướng đến thực hiện thành công các nhiệm vụ trong chặng đường đầu tiên, đó là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho đẩy mạnh công nghiệp hóa XHCN ở chặng đường tiếp sau.

Đại hội VII đã thông qua *Cương lĩnh* xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, trong đó xác định rõ 7 phương hướng cơ bản xây dựng

CNXH, đưa nước ta trở thành nước XHCN phồn vinh. Các phương hướng cơ bản bao hàm các lĩnh vực chủ yếu từ kinh tế, văn hoá, chính trị, đối ngoại và an ninh, quốc phòng. Có thể nêu khái quát như sau: 1- Về xây dựng nhà nước, hướng đến nhà nước XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; 2- Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn với phát triển nền nông nghiệp toàn diện; 3- Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN; 4- Tiến hành cuộc cách mạng XHCN trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá; 5- Thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc; thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước; 6- Xây dựng và thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; 7- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Trên cơ sở các phương hướng cơ bản trên, trong các nhiệm kỳ Đại hội Đảng đều có sự phát triển cụ thể hóa phương hướng cho mỗi giai đoạn. Đại hội VIII đã xác định các phương hướng cho giai đoạn 1996-2000, mở đầu cho chặng đường mới là đẩy

mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đồng thời định hướng đến năm 2020. Đại hội IX cụ thể hóa các phương hướng cho giai đoạn 2001-2005 và xác định phương hướng kinh tế - xã hội 10 năm 2001-2010 với nhiệm vụ đưa đất nước thoát khỏi tình trạng kém phát triển và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

Sau 20 năm thực hiện *Cương lĩnh* 1991 chúng ta đã giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, vị thế và uy tín trên trường quốc tế được nâng cao; sức mạnh tổng hợp của đất nước đã tăng lên rất nhiều, tạo tiền đề cho chúng ta phát triển mạnh mẽ hơn đi lên CNXH, với mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng XHCN. Và với mục tiêu này, *Cương lĩnh* 2011 (bổ sung, phát triển) được thông qua tại Đại hội XI đã xác định rõ 8 phương hướng cơ bản xây dựng CNXH².

Về phương hướng thứ nhất, xác định rõ hơn CNH, HĐH là gắn liền với kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Bởi lẽ, các thành tựu của phát triển sẽ không còn ý nghĩa khi tăng trưởng lại dẫn đến ô nhiễm

môi trường, hơn nữa quá trình hiện đại hóa phải gắn liền với thành tựu KHCN mới bảo đảm tính hiện đại.

Phương hướng thứ hai, thể hiện rõ hơn nhận thức của Đảng từ phát triển nền kinh tế hàng hóa sang phát triển nền kinh tế thị trường. Đây là một trong những sự phát triển sáng tạo nổi bật của Đảng ta.

Phương hướng thứ ba, thể hiện rõ và đầy đủ, toàn diện hơn, bao gồm cả định hướng phát triển văn hoá, con người và xã hội.

Phương hướng thứ tư, đề cập phát triển quốc phòng và an ninh quốc gia với tinh thần mới là phải bảo đảm vững chắc. Đây là điều kiện cho phát triển kinh tế.

Phương hướng thứ năm, đề cập đến định hướng đối ngoại với tinh thần và nhận thức mới, đó là đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, là chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

Phương hướng thứ sáu, đi liền nhấn mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, trong *Cương lĩnh* 2011 bổ sung nội hàm xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Phương hướng thứ bảy, đề cập đến nhà nước XHCN có bước phát triển trong nhận thức, xác định rõ là

xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân vì nhân dân.

Phương hướng thứ tám, về xây dựng Đảng, biên tập gọn hơn, là xây dựng Đảng trong sách, vững mạnh.

Như vậy 8 phương hướng cơ bản xây dựng CNXH tại Cương lĩnh 2011 vẫn bảo đảm tinh thần các phương hướng xây dựng CNXH được xác định tại Cương lĩnh 1991, song có sự bổ sung, phát triển làm rõ hơn, phù hợp với bối cảnh tình hình mới, nhận thức mới; đồng thời sắp xếp các trật tự theo logic các lĩnh vực: kinh tế, văn hoá-xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây Đảng và hệ thống chính trị.

Trong hơn 10 năm qua, các Đại hội XII và XIII của Đảng đã bám sát 8 phương hướng cơ bản, cụ thể hóa và có bổ sung nhận thức mới. Chẳng hạn về CNH, HĐH không chỉ gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng cơ cấu lại nền kinh tế mà còn xác định rõ phải dựa trên nền tảng KHCN và đổi mới sáng tạo. Về phương hướng xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại, đầy đủ và hội nhập quốc tế theo định hướng XHCN. Về văn hóa, con người phát triển toàn diện; văn hóa là nền tảng

tinh thần, là sức mạnh nội sinh, là động lực phát triển. Trong bảo vệ Tổ quốc xác định rõ quan điểm chiến lược: bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy...

3. Phát triển nhận thức về các mối quan hệ lớn trong tiến trình đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội

Sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cả nước cùng tiến lên xây dựng CNXH, nhiệm vụ lúc này là khắc phục hậu quả chiến tranh và xây dựng, phát triển kinh tế. Để thực hiện tốt các định hướng phát triển kinh tế xã hội và quốc phòng an ninh, đối ngoại, đòi hỏi phải giải quyết nhiều vấn đề, nhiều mối quan hệ. Tuy lúc này chưa nêu cụ thể hệ thống các mối quan hệ lớn, nhưng trong nhận thức Đảng đã xác định phải xây dựng mối quan hệ đúng đắn giữa *tích lũy và tiêu dùng*, phải kết hợp đúng đắn *kinh tế với quốc phòng, quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất luôn luôn gắn bó với nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển...*Bước vào thời kỳ đổi mới Đảng ta tiếp tục yêu cầu phải quán triệt và giải quyết các mối quan hệ, đặc biệt tại Đại hội VII, Đảng nêu những kinh nghiệm bước đầu trong đổi mới, đề cập đến mối quan hệ

giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, mối quan hệ giữa phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần với tăng cường vai trò quản lý của nhà nước³... Có thể nói đây là những bước phát triển nhận thức rất quan trọng về các mối quan hệ, để tiến tới có sự khái quát rõ và ngày càng đầy đủ.

Tại Đại hội VIII Đảng ta đã có nhận thức mới, làm rõ hơn mối quan hệ giữa đổi mới và ổn định, xem việc kết hợp giữa đổi mới và ổn định là một trong những bài học chủ yếu trong tiến trình đổi mới cần được tiếp tục phát huy. Đổi mới phải trên cơ sở bảo vệ, kế thừa và phát huy truyền thống, không phủ định sạch trơn quá khứ.

Về quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, nhận thức của Đảng cho rằng, cần kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu, lấy đổi mới kinh tế là trọng tâm, đồng thời thực hiện từng bước đổi mới chính trị cho phù hợp. Đây là nhận thức rất sáng tạo nhằm bảo đảm cho quá trình đổi mới có hiệu quả. Khác với Việt Nam, Liên Xô đã thực hiện cải cách với liệu pháp sốc, cải cách ngay cả nền tảng chính trị làm

suy yếu cơ sở xã hội của Đảng. Đây chính là yếu tố góp phần đẩy nhanh sự sụp đổ của mô hình CNXH kiểu cũ ở Liên Xô và Đông Âu.

Về quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng XHCN, Đảng ta cho rằng, đây là quan hệ nền tảng và chủ trương tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN; trong xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần phải nắm vững định hướng XHCN. Đối với quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất hướng đến xây dựng quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Trong mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với văn hoá, xã hội đã bổ sung thành tố môi trường và xác định: tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hóa giáo dục, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

Các Đại hội IX và X đều nhấn mạnh yêu cầu phải giải quyết tốt các mối quan hệ và có những bổ sung vào yêu cầu. Đặc biệt Đại hội XI đã có sự khái quát và lần đầu tiên nêu hệ thống 8

mối quan hệ lớn, bao quát các lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội⁴. Nhận thức của Đảng ta về các mối quan hệ tiếp tục được bổ sung hoàn thiện tại Đại hội XII với việc bổ sung mối quan hệ nhà nước và thị trường. Đến Hội nghị TW 5 khóa XII bổ sung thành tố xã hội thành mối quan hệ nhà nước, thị trường và xã hội; cùng với đó điều chỉnh tên gọi và nội hàm quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng XHCN thành quan hệ giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng XHCN trong từng giai đoạn phát triển.

Đại hội XIII tiếp tục có những bổ sung mới trong nhận thức về các mối quan hệ. Thứ nhất, bổ sung mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội và thứ hai, có sự điều chỉnh vị trí giữa đổi mới, ổn định và phát triển thành ổn định, đổi mới và phát triển; điều chỉnh mối quan hệ

giữa “xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa”, thành quan hệ giữa “xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa”; điều chỉnh mối quan hệ giữa “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”, thành quan hệ “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ”.

Đến Đại hội XIII hệ thống 10 mối quan hệ lớn đã được nhận thức. Đây là những mối quan hệ lớn do tầm ảnh hưởng và bao quát của các mối quan hệ, và bản thân trong mỗi quan hệ lớn cũng bao chứa các quan hệ nhỏ cần được nhận thức xử lý. Đây là sự phát triển lý luận đặc sắc trên cơ sở tổng kết quá trình đổi mới của Đảng ta.

Như vậy có thể thấy nhận thức về các mối quan hệ cũng như nội hàm trong các mối quan hệ lớn của Đảng ta là quá trình liên tục, ngày càng hoàn thiện. Cho đến Đại hội XIII hệ thống 10 mối quan hệ lớn⁵ đã được nhận thức. Đây là những mối quan hệ lớn do tầm ảnh hưởng và bao quát của các mối quan hệ, và

bản thân trong mỗi quan hệ lớn cũng bao chứa các quan hệ nhỏ cần được nhận thức xử lý. Đây là sự phát triển lý luận đặc sắc trên cơ sở tổng kết quá trình đổi mới của Đảng ta. Hệ thống mười mối quan hệ lớn phản ánh các quy luật mang tính biện chứng dẫn dắt



Kinh tế Việt Nam theo hướng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
— Ảnh: MH

hoạt động thực tiễn xây dựng CNXH. **4. Nhận thức về các trụ cột cơ bản của chủ nghĩa xã hội Việt Nam**

Để đi lên CNXH, những người cộng sản phải thông qua cuộc cách mạng xã hội, giành lấy chính quyền, thực hiện công cuộc cải tạo xã hội, xác lập quan hệ sản xuất mới, trên đó xây dựng kiến trúc thượng tầng XHCN, mà nòng cốt là nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trải qua các Đại hội thời kỳ đổi mới nhận thức của Đảng về nhà nước pháp quyền XHCN ngày càng được bổ sung và phát triển. Có thể nói đến Hội nghị TW 6 khóa XIII, Đảng ta đã

không chỉ hoàn thiện quan điểm về các đặc trưng thể hiện giá trị chung, mang tính phổ quát của nhà nước pháp quyền, mà còn hoàn thiện quan điểm về các đặc trưng thể hiện yếu tố đặc thù của nhà nước XHCN, đặc trưng của nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam⁶.

Để tạo cơ sở vật chất của xã hội mới, thông qua cải tạo và xây dựng nền kinh tế mới, kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đây là con đường tất yếu và cũng là sự đổi mới, sáng tạo của Đảng và Nhân dân Việt Nam trên cơ sở nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn

phong phú của quá trình xây dựng, phát triển đất nước. Quá trình đổi mới cũng chính là quá trình từng bước hoàn thiện nhận thức lý luận về kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam. Đại hội XIII của Đảng thể hiện rõ và đầy đủ nhận thức của Đảng về kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Và như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chỉ rõ: Đó chính là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của CNXH, thể hiện trên cả ba mặt: *Sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối*. Đây không phải là nền kinh tế thị trường TBCN và cũng chưa phải là nền kinh tế thị trường XHCN đầy đủ.

Xã hội mới mà Việt Nam đang xây dựng là xã hội dân chủ, con người bình đẳng, tự do, hạnh phúc. Xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN dưới sự

lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN chính là tạo ra xã hội dân chủ. Dân chủ là bản chất của chế độ XHCN mà ta xây dựng với nội dung cốt lõi là tôn trọng, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền làm chủ của nhân dân, gắn với trách nhiệm và nghĩa vụ công dân. Trải qua gần 40 năm đổi mới, nhận thức của Đảng về nền dân chủ ngày càng hoàn thiện. Dân chủ XHCN được quan niệm là dân chủ của đại đa số nhân dân, gắn với quyền làm chủ của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, được pháp luật bảo đảm, dưới sự lãnh đạo của Đảng; là một hình thức thể hiện quyền tự do, bình đẳng của mỗi công dân, xác định nhân dân là chủ thể của quyền lực. Dân chủ XHCN vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng CNXH.

Như vậy, nhận thức của Đảng về Nhà nước pháp quyền XHCN, nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và nền dân chủ XHCN ngày càng rõ và xem đây là ba trụ cột chính của CNXH Việt Nam. “Có thể nói, nhà nước pháp quyền, kinh tế thị trường đi liền với bảo đảm phúc lợi - an sinh

xã hội và dân chủ xã hội chủ nghĩa là ba trụ cột chính trong tiến trình phát triển của đất nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong đó, dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực. Cả ba trụ cột này phải mạnh và có sự phát triển tương thích, đồng bộ. Một trụ cột yếu sẽ cản trở sự vận động của các trụ cột khác và ảnh hưởng đến sự phát triển chung”⁷. Tư tưởng này đã được đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tiếp tục khẳng định trong bài phát biểu tại phiên họp đầu tiên của Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIV của Đảng, ngày 23/2/2024 là: “hình thành đồng bộ thể chế phát triển nhanh và bền

vững đất nước dựa trên những trụ cột là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Nhận thức về các trụ cột của quá trình xây dựng CNXH Việt Nam có ý nghĩa sâu sắc, về mặt lý luận góp phần làm rõ và hoàn thiện hơn lý luận về đường lối đổi mới của Đảng; về mặt thực tiễn góp phần tạo sự thống nhất ý chí, định hướng huy động nguồn lực tập trung xây dựng các trụ cột vững mạnh, bảo đảm sự phát triển định hướng xã hội chủ nghĩa ■

¹ Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.21-22.

^{2,4} Xem thêm: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, sđd, tr.72, 72-73.

³ Xem thêm: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.45, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, tr.262.

⁵ Xem thêm: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.39.

⁶ Xem thêm *Nghị quyết 27-NQ/TW* “Về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới”.

⁷ ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.69, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.944.

XÂY DỰNG NHÂN TỐ CHÍNH TRỊ, TINH THẦN CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

● Đại tá, PGS, TS CAO VĂN TRỌNG

Thư ký khoa học Hội đồng Lý luận Trung ương

● Trung tá, ThS TRẦN NHỎ TUẤN

Học viện Lục quân

Là người trực tiếp tổ chức, lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện Quân đội nhân dân Việt Nam, một trong những vấn đề Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm là xây dựng được đội ngũ cán bộ Quân đội đủ đức, đủ tài đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng; trong đó xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần là nội dung quan trọng, được đặt lên hàng đầu. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần cho đội ngũ cán bộ Quân đội có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn, đến nay vẫn còn nguyên giá trị, cần được tiếp tục nghiên cứu, vận dụng vào xây dựng đội ngũ cán bộ Quân đội, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ

bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

1. Trung thành và vận dụng sáng tạo những nguyên lý xây dựng Quân đội kiểu mới của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa những kinh nghiệm quý báu về xây dựng Quân đội trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, xuất phát từ điều kiện thực tiễn của cách mạng nước ta, khi bàn về các yếu tố cấu thành sức mạnh chiến đấu, trưởng thành và chiến thắng của Quân đội, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn xem xét vai trò con người trong mối quan hệ biện chứng với các yếu tố khác và nhất quán khẳng định nhân tố con người là yếu

tố quyết định nhất. Người chỉ rõ: “vô luận việc gì, đều do người làm ra, và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả”¹.

Từ khẳng định trên, với tư duy quân sự biện chứng và sắc sảo, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại nhìn nhận, đánh giá vai trò nhân tố con người một cách chung chung, mà luôn đề cập rất cụ thể tới từng chủ thể trong lĩnh vực hoạt động quân sự. Trong đó, Người đã chỉ rõ vai trò “là cái gốc của mọi công việc”², quyết định “thành công hoặc thất bại”³ của cán bộ Quân đội trong lãnh đạo, chỉ huy các lực lượng thực thi nhiệm vụ. Bởi theo Người, trong hoạt động quân sự, quần chúng nhân dân là lực lượng vô địch của cách mạng, nhưng quần chúng chỉ phát huy được sức mạnh khi được giáo dục, giác ngộ và tổ chức; mà người làm công tác tuyên truyền, giáo dục, giác ngộ và tổ chức quần chúng chính là đội ngũ cán bộ. Cán bộ còn là người “đặt kế hoạch và điều khiển đánh trận”⁴, là hạt nhân chính trị nòng cốt trong hoạt động quân sự.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng xem xét đầy đủ, toàn diện hệ thống các yếu tố cấu thành phẩm chất và năng lực, đức và tài của người cán bộ Quân đội

trong thực tiễn hoạt động quân sự. Trong các yếu tố cấu thành đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi trọng, đề cao nhân tố chính trị, tinh thần của người cán bộ Quân đội, bởi theo Người: “Vũ khí tốt mà tinh thần hèn, thì cũng vô dụng”⁵, “Có khi địch vật chất hơn ta mà ta tinh thần hơn nó, nên ta thắng nó”⁶. Từ đó, Người đặc biệt quan tâm việc xây dựng và phát huy nhân tố chính trị, tinh thần cho đội ngũ cán bộ Quân đội, trong đó chú trọng giáo dục, xây dựng lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý chí quyết tâm, lòng dũng cảm, sự gan dạ, mưu trí, sáng tạo, sẵn sàng hy sinh của cán bộ Quân đội nhằm để phát huy cao nhất nhân tố con người của họ trong hoạt động quân sự. Người nhấn mạnh: “phải tăng cường công tác chính trị, luôn luôn nâng cao trình độ chính trị và giác ngộ giai cấp của bộ đội ta”⁷, vì theo Người: “Dù có bao nhiêu khí giới tinh xảo mà con người không có lập trường vững, quan điểm đúng, thiếu tinh thần trong sạch, một lòng một dạ phục vụ nhân dân thì súng đó cũng bỏ đi”⁸.

2. Quán triệt tư tưởng xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần cho đội ngũ cán bộ Quân đội của Chủ tịch Hồ

Chí Minh, trong suốt quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng tích cực chủ động triển khai nhiều chủ trương, biện pháp để chăm lo xây dựng và phát huy nhân tố chính trị, tinh thần cho đội ngũ cán bộ Quân đội. Đội ngũ cán bộ Quân đội thường xuyên được giáo dục chính trị, tư tưởng, trau dồi bản chất giai cấp công nhân, mục tiêu, lý tưởng chiến đấu; qua đó, luôn có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức, lối sống trong sạch, lành mạnh, có ý chí, quyết tâm, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Thực hiện tốt công tác huấn luyện, giáo dục, đào tạo, rèn luyện cán bộ có sức khỏe, trình độ, kiến thức, năng lực, ý thức tổ chức kỷ luật cao đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Nhờ đó, đã xây dựng được đội ngũ cán bộ Quân đội có được tinh thần, ý chí cách mạng sắt đá “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh”, vượt qua mọi hy sinh, gian khổ, góp phần cùng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân dựng lên bức tượng đài bất tử “Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định

không chịu làm nô lệ”, đánh thắng các đế quốc hùng mạnh, các cuộc xâm lược của các nước giàu hơn ta, lớn hơn ta trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, việc xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần cho đội ngũ cán bộ Quân đội thời gian qua vẫn còn một số hạn chế. Nhận thức, trách nhiệm của một số chủ thể, lực lượng về nội dung, hình thức, phương pháp xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần cho đội ngũ cán bộ Quân đội còn chưa đúng và đầy đủ. Sự phối hợp của các tổ chức, lực lượng trong xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần cho đội ngũ cán bộ Quân đội có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, thiếu các giải pháp đồng bộ. Một số cán bộ còn tư tưởng ngại khó khăn, gian khổ, chủ quan, nhận thức về nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ Quân đội, nhiệm vụ của đơn vị trong bảo vệ Tổ quốc có lúc, có nơi chưa sâu sắc, chưa triệt để; một số cán bộ có biểu hiện ngại rèn luyện, chấp hành mệnh lệnh, chỉ thị của cấp trên không nghiêm, vi phạm phẩm chất đạo đức, lối sống, chưa hoàn

thành tốt nhiệm vụ được giao; thiếu trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội...

3. Hiện nay và thời gian tới, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến nhanh, bất thường, phức tạp và khó dự báo. Sau gần 40 năm đổi mới, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế của đất nước, niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy vậy, chúng ta cũng đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Các thế lực thù địch tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước và Quân đội.

Bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và ứng phó với an ninh phi truyền thống vẫn đang

là những thách thức rất lớn. Tình hình trên đòi hỏi Đảng ta tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới đất nước, không ngừng gia tăng tiềm lực về mọi mặt của quốc gia, bảo vệ vững chắc Tổ quốc và những thành quả phát triển đã đạt được, đưa đất nước vững bước tiến lên,

Thực tiễn gần 80 năm xây dựng, chiến đấu, chiến thắng và trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam đã minh chứng sự đúng đắn, sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần cho đội ngũ cán bộ Quân đội; là cơ sở quan trọng để chúng ta kế thừa, vận dụng vào xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần cho đội ngũ cán bộ Quân đội trong thời gian tới.

phát triển nhanh và bền vững. Quán triệt, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần cho đội ngũ cán bộ Quân đội, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời gian tới cần thực hiện tốt một số nội dung, biện pháp sau:

Một là, quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần cho đội ngũ cán bộ Quân đội nhân dân Việt Nam.

Thực tiễn gần 80 năm xây dựng,

chiến đấu, chiến thắng và trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam đã minh chứng sự đúng đắn, sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần cho đội ngũ cán bộ Quân đội; là cơ sở quan trọng để chúng ta kế thừa, vận dụng vào xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần cho đội ngũ cán bộ Quân đội trong thời gian tới. Tuy nhiên, gần đây, trước tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đã xuất hiện một số loại vũ khí mới, thông minh, trí tuệ nhân tạo,... cùng những hình thái, phương thức tác chiến mới, qua đó ít nhiều làm nẩy sinh tư tưởng đề cao vai trò của vũ khí, trang bị hiện đại mà xem nhẹ, hạ thấp vai trò nhân tố con người, xem nhẹ, hạ thấp vai trò nhân tố chính trị, tinh thần ở một bộ phận cán bộ Quân đội. Vì vậy, quán triệt sâu sắc tư tưởng xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần cho đội ngũ cán bộ Quân đội của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cần nâng cao nhận thức về vai trò nhân tố chính trị, tinh thần để có chủ trương, giải pháp về nâng cao chất lượng huấn luyện, giáo dục, đào tạo, có chính sách ưu đãi, thu hút người tài phù hợp, hiệu quả.

Trong quá trình thực hiện, cần khẳng định rõ vị trí, vai trò của nhân tố chính trị, tinh thần của cán bộ Quân đội trong mối quan hệ với vũ khí, trang bị kỹ thuật; con người là chủ thể, trung tâm, có ý chí, trí tuệ, kỹ năng sẽ quyết định việc phát huy tối đa sức mạnh vật chất của vũ khí, trang bị kỹ thuật; trong khi đó, vũ khí, trang bị kỹ thuật là nhân tố rất quan trọng, song dù có hiện đại đến đâu vẫn do con người sáng tạo và điều khiển mới tạo ra sức mạnh hiện thực. Trên cơ sở đó, tích cực đấu tranh với nhận thức lệch lạc cùng những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động về mối quan hệ này trong xây dựng, nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Hai là, huy động sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, lực lượng trong xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần cho đội ngũ cán bộ Quân đội nhân dân Việt Nam.

Trước hết, cần phát huy tốt vai trò của cấp ủy, tổ chức đảng, chỉ huy các cấp trong Quân đội đối với việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần cho

đội ngũ cán bộ Quân đội hiện nay; tổ chức tốt công tác giáo dục chính trị, giáo dục truyền thống nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, mục tiêu và lý tưởng chiến đấu của Quân đội, xây dựng niềm tin, ý chí quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, sẵn sàng hy sinh khi làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Phát huy vai trò của các cơ quan chức năng trong chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và bảo đảm các điều kiện đối với xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần cho đội ngũ cán bộ Quân đội. Phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng tổ chức thực hiện các phong trào hành động cách mạng xây dựng và phát huy nhân tố chính trị, tinh thần cho đội ngũ cán bộ Quân đội hiện nay. Đặc biệt, cần thông qua việc tổ chức thực hiện cũng như đóng góp ý kiến nhận xét, đánh giá để đội ngũ cán bộ Quân đội không ngừng hoàn thiện phẩm chất, năng lực, phương pháp, tác phong công tác, nhất là về xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức lối sống trong

sáng; luôn nêu cao tính tiên phong, gương mẫu trong công tác cũng như trong cuộc sống; sẵn sàng nhận và hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao.

Ba là, đa dạng hóa các nội dung, vận dụng linh hoạt các hình thức và phương pháp để xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần cho đội ngũ cán bộ Quân đội nhân dân Việt Nam.

Nội dung xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần cho đội ngũ cán bộ Quân đội cần phải toàn diện, đồng bộ, trong đó tập trung vào xây dựng lập trường, bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng, tin tưởng vào thắng lợi của công cuộc bảo vệ Tổ quốc; phát huy niềm tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, sức mạnh chiến đấu của Quân đội, của đơn vị trong bảo vệ Tổ quốc; phát huy ý thức kỷ luật tự giác, nghiêm minh trong chấp hành pháp luật của Nhà nước, kỷ luật Quân đội, mệnh lệnh, chỉ thị của người chỉ huy trong thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; phát huy tâm lý vững vàng, ý chí quyết tâm kiên trì bảo vệ Tổ quốc.

Vận dụng linh hoạt các hình thức xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần cho đội ngũ cán bộ Quân đội nhân dân Việt Nam như: Thông qua công tác giáo dục chính trị, tọa đàm, diễn đàn, các cuộc thi tìm hiểu về chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc và lịch sử đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của dân tộc; thông qua các hoạt động huấn luyện quân sự, diễn tập; phong trào thi đua quyết thắng...; đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ”... Thông qua các hình thức trên, mục tiêu, lý tưởng, niềm tin, ý thức tổ chức kỷ luật và bản lĩnh, ý chí quyết tâm chiến đấu của cán bộ Quân đội được phát triển, lan tỏa trong từng nhiệm vụ, góp phần vào sự thắng lợi của công cuộc bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống.

Bốn là, xây dựng môi trường văn hóa quân sự lành mạnh và đổi mới chính sách đối với cán bộ Quân đội, hậu phương cán bộ Quân đội.

Môi trường văn hóa quân sự tạo ra những điều kiện thuận lợi để nuôi dưỡng, vun đắp, phát triển, lan tỏa tư tưởng, niềm tin, ý chí của cán bộ kiên

quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Vì vậy, cần phải giữ gìn, xây dựng và phát huy vai trò của hệ giá trị văn hóa quân sự về truyền thống quyết chiến, quyết thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam trong bảo vệ Tổ quốc. Làm tốt công tác giáo dục truyền thống, xây dựng lòng tự hào của cán bộ Quân đội đối với các giá trị truyền thống yêu nước của dân tộc, truyền thống của Quân đội và của từng cơ quan, đơn vị. Phát huy dân chủ rộng rãi trên các mặt công tác, nhằm tạo điều kiện cho cán bộ Quân đội thể hiện quyền làm chủ của mình, tham gia đóng góp ý kiến, đề xuất giúp lãnh đạo, chỉ huy các cấp xác định chủ trương, xây dựng kế hoạch, nội dung, chỉ tiêu, hình thức, biện pháp xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần cho đội ngũ cán bộ Quân đội. Xây dựng và thực hiện tốt các quan hệ văn hóa quân sự giữa lãnh đạo và phục tùng sự lãnh đạo, giữa chỉ huy và phục tùng chỉ huy. Người lãnh đạo, chỉ huy cũng như người phục tùng lãnh đạo, chỉ huy cần thực hiện “chính danh” chức trách, nhiệm vụ của mình đã được pháp luật của Nhà nước, kỷ luật Quân đội quy định. Xây dựng và

thực hiện tốt các quan hệ văn hóa quân sự giữa các quân nhân với nhau trên tinh thương yêu đồng chí, đồng đội, hết lòng, hết sức giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống đời thường cũng như lúc ra trận thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Bên cạnh đó, cần tiếp tục đổi mới chính sách đối với cán bộ Quân đội, hậu phương cán bộ Quân đội. Tiếp tục bổ sung, sửa đổi, ban hành mới các chính sách xã hội cơ bản đối với cán bộ Quân đội; kết hợp đề xuất các chính sách đặc thù có tính đột phá cho các đối tượng, nhất là đối với cán bộ trực tiếp làm nhiệm vụ quan trọng, đặc thù, vùng sâu, vùng xa và biển, đảo. Từng bước điều chỉnh hợp lý lộ trình cải cách chính sách tiền lương theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa XI) phù hợp đặc thù của Quân đội nói chung, các đơn vị, lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ quan trọng, đặc biệt nói riêng. Tiếp tục bổ sung, đổi mới hoàn thiện chính sách xã hội đối với gia đình cán bộ Quân đội; cần có nhiều chính sách thiết thực hơn nữa đối với hậu phương hậu phương cán bộ Quân đội, nhất là

những cán bộ trực tiếp làm nhiệm vụ ở những nơi khó khăn, nguy hiểm, để họ yên tâm cống hiến tâm - trí - lực cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc.

Năm là, nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên quyết đấu tranh với âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch hòng “phi chính trị hoá” Quân đội.

Trong giai đoạn hiện nay, các thế lực thù địch, phản động vẫn đẩy mạnh tiến hành chiến lược “diễn biến hoà bình” chống phá cách mạng nước ta trên tất cả các lĩnh vực, nhất là chúng sử dụng các thủ đoạn xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội nhằm tác động vào nhân tố chính trị, tinh thần hòng làm suy giảm niềm tin, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong đội ngũ cán bộ Quân đội; từ đó thực hiện âm mưu “phi chính trị hoá” Quân đội, làm mất phương hướng chiến đấu của Quân đội ta.

Để đấu tranh làm thất bại những âm mưu, thủ đoạn vô cùng thâm hiểm của thù địch, phản động, giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng

trong Quân đội, cần tiếp tục quán triệt và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về “Tăng cường bảo vệ nền tảng, tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”. Kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, trong đó xây dựng bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức lối sống đội ngũ cán bộ Quân đội là nhiệm vụ cơ bản lâu dài, đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn của thù địch, phản động là nhiệm vụ cấp bách, thường xuyên. Bên cạnh đó, phải tiếp tục thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết, quy định của Đảng, nhất là các nghị quyết, kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, XII, XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống các

biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần cho đội ngũ cán bộ của Quân đội là nội dung cơ bản, mang tính cấp thiết, nhân tố có ý nghĩa quyết định trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ đủ đức, đủ tài, góp phần thiết thực vào sự nghiệp xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Quá trình vận dụng cần tiến hành đồng bộ các nội dung, biện pháp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất, xây dựng đội ngũ cán bộ Quân đội vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới ■

^{1,2,3} Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.281, 309, 280.

^{4,5} Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.219, 460.

⁶ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.580-581

⁷ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.29

⁸ Bộ Quốc Phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Hồ Chí Minh biên niên sự kiện quân sự (1919 - 1969)*, Nxb Quân đội nhân dân, 2011, Hà Nội, tr.370.

⁹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.534.

BIẾN ĐỔI VĂN HÓA ĐÔ THỊ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1975-2025

● TS BÙI THỊ KIM CHI

Viện Văn hóa và Phát triển

Lịch sử dựng nước và giữ nước đã ghi dấu sự hình thành đô thị tại Việt Nam từ rất sớm. Sau khi giải phóng, thống nhất đất nước, đô thị ở Việt Nam vẫn phát triển chậm. Từ sau năm 1990, nhiều đô thị đã hình thành và nhanh chóng khẳng định vai trò to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội của vùng và cả nước. Gắn với sự phát triển đô thị là sự hình thành và phát triển văn hóa đô thị. Văn hóa đô thị là các hoạt động sáng tạo của cư dân đô thị hình thành trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, con người với con người, con người với xã hội trong môi trường đô thị nhằm giúp con người phát triển cân bằng, toàn diện. Cùng với sự phát triển của xã hội, văn hóa đô thị ở Việt Nam đã có nhiều sự biến đổi trên các khía cạnh.

1. Biến đổi về tính chất, quy mô đô thị

Từ năm 1975 đến 1990, nước ta có một số đô thị phát triển như Hà Nội,

Hải Phòng, Nam Định, Sài Gòn, Đà Nẵng... những đô thị này tương đối tách biệt khỏi nông thôn. Bên cạnh đó, nhiều đô thị hành chính trên khắp cả nước, một số đô thị mang sắc thái đồn trú hình thành dọc biên giới như Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lai Châu, Lào Cai. Giai đoạn này, đô thị Việt Nam vẫn phát triển chậm và không thuần nhất. Cho đến năm 1989, dân số ở đô thị đạt 19,79% dân số cả nước¹.

Từ sau năm 1990 đến năm 2000, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được đẩy mạnh, phân công lao động giữa các ngành nghề, các lĩnh vực rõ nét hơn. Sự chuyên môn hóa trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ diễn ra theo chiều sâu. Vì vậy, đô thị đã có sự phát triển nhanh chóng. Nhiều đô thị lớn đã khẳng định được vị trí trung tâm, có vai trò to lớn trong phát

triển kinh tế - xã hội của vùng và cả nước. Giai đoạn này đã hình thành các chuỗi đô thị trung tâm cấp quốc gia (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng và Huế), vùng (Thái Nguyên, Việt Trì, Hoà Bình, Hạ Long, Nam Định, Vinh, Nha Trang, Buôn Ma Thuột, Vũng Tàu, Biên Hoà và Cần Thơ) và tỉnh. Các đô thị trung tâm cấp tỉnh là các thành phố, thị xã có chức năng là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hoá, đầu mối giao thông. Ngoài ra còn có các đô thị trung tâm cấp huyện. Giai đoạn 2000-2010, tốc độ đô thị hóa được đẩy nhanh hơn (2,8% hằng năm) khiến Việt Nam thuộc các nước có tỷ lệ đô thị hóa nhanh nhất khu vực Đông Nam Á.

Đến tháng 12/2016, cả nước đã có 795 đô thị, tỷ lệ đô thị hóa đạt 35,2%, dân số đô thị tại Việt Nam là trên 32 triệu người, chiếm 35,2% dân số cả nước². Đến hết tháng 9/2023, nước ta có tổng số 902 đô thị, trong đó có 2 đô thị loại đặc biệt, 22 đô thị loại I, 36 đô thị loại II, 45 đô thị loại III, 94 đô thị loại IV, 703 đô thị loại V. Tỷ lệ đô thị hóa cả nước ước đạt khoảng 42,6%³. Dự kiến đến năm 2025, nước

ta sẽ có khoảng 1.000 đô thị và tỷ lệ đô thị hóa chiếm khoảng 50%.

Trong những năm qua, hệ thống đô thị ở Việt Nam đã không ngừng chuyển mình để đảm nhiệm ngày càng tốt hơn vai trò là trung tâm phát triển công nghiệp, chuyển giao công nghệ, thương mại, dịch vụ cũng như đảm nhiệm tốt hơn vai trò là trung tâm phát triển văn hoá, giáo dục, phát triển nguồn nhân lực, giữ vững an ninh - quốc phòng và đóng góp vào ngân sách quốc gia. Những năm gần đây, tỷ lệ trung bình tăng trưởng kinh tế hằng năm tại các đô thị là 12-15%/năm, gấp 1,2 đến 1,5 lần tỷ lệ trung bình của cả nước. Các ngành kinh tế ở đô thị như công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch chiếm tỷ lệ khá cao trong cơ cấu GDP cả nước. Tổng thu ngân sách của khu vực đô thị chiếm khoảng 70% tổng thu ngân sách toàn quốc.

Hướng tới xây dựng và phát triển đô thị xanh, đô thị thông minh phát triển bền vững, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội đô thị được đầu tư theo hướng ngày càng đồng bộ và hiệu quả, giúp khai thác, phát huy được mọi tiềm năng và lợi thế sẵn có, nâng cao



*Thủ đô Hà Nội giữ nét hài hòa giữa cảnh quan tự nhiên và cảnh quan nhân tạo
_Ảnh: vietnamnet.vn*

hiệu quả sử dụng các nguồn lực của đô thị. Ngoài ra, các đô thị cũng hướng tới phát triển con người, nâng cao chất lượng cuộc sống của thị dân. Đô thị thông minh cũng tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, người dân tham gia hiệu quả hơn vào quá trình nghiên cứu, đầu tư, quản lý phát triển đô thị. Mô hình đã giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng các dịch vụ đô thị cũng như nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế đô thị, đáp ứng được những

yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

2. BIẾN ĐỔI VỀ CẢNH QUAN VĂN HÓA ĐÔ THỊ

Cảnh quan văn hóa đô thị Hà Nội được hình thành dựa trên môi trường tự nhiên, các yếu tố về địa hình địa mạo, sông hồ, thảm thực vật... Trong những năm 1975-2000, quan điểm tôn trọng nét đặc trưng của cảnh quan tự nhiên đã giúp cho cảnh quan nhân tạo và cảnh quan tự nhiên ở đô thị hài hòa với nhau. Núi, sông, hồ, cây xanh...

được giữ gìn trong bố cục, công năng, hình thái của đô thị.

Trong thời gian gần đây, trên cơ sở cảnh quan văn hóa vốn có, các đô thị tiếp tục cải tạo và xây dựng cảnh quan đô thị theo hướng hiện đại song hành với bảo tồn những giá trị cảnh quan mà lịch sử đã để lại. Đối với cảnh quan có giá trị lịch sử, giá trị nghệ thuật, các đô thị vẫn trân trọng gìn giữ, bảo tồn và khai thác một cách có ý thức. Điều đó khiến cho cảnh quan văn hóa đô thị vừa giữ được nét xưa, vừa mang dáng vẻ của thời đại mới.

Trong quá trình phát triển, nhiều đô thị đã phát triển các khu đô thị mới, các khối nhà cao tầng hiện đại theo kiến trúc phương Tây. Không thể phủ nhận, sự phát triển mạnh mẽ các yếu tố mới này đã đáp ứng nhu cầu của cư dân, góp phần thúc đẩy đô thị tích cực chuyển mình hội nhập với các nước trong khu vực và quốc tế. Những khu đô thị mới cũng tạo nên diện mạo cảnh quan văn minh, hiện đại hơn cho đô thị Việt Nam.

Cùng với sự phát triển của khu đô thị mới, hệ thống giao thông đô thị cũng có nhiều thay đổi với hệ thống đường trên cao. Các con đường trong

nội đô cũng không ngừng được mở rộng. Những tuyến đê trong nội đô đều được bê tông hóa, thu hẹp mặt bằng hoặc phá bỏ để giành chỗ cho đường giao thông. Nhiều tuyến phố, tuyến đường, cây cầu mới được xây dựng. Đã có những công trình giao thông trở thành biểu tượng mới của các đô thị như Cầu Nhật Tân, Đại lộ Thăng Long (Hà Nội), cầu Rồng (Đà Nẵng)...

Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng, cải tạo cảnh quan văn hóa, nhiều ao, hồ ở đô thị đã bị san lấp. Đơn cử như ở Hà Nội, năm 1994, Hà Nội còn hơn 40 hồ. Đến năm 2009, khu vực này còn chưa đến 30 hồ. Quá trình đô thị hóa nhanh và mạnh trong khoảng hai thập kỷ qua đã san lấp đến quá nửa diện tích mặt nước còn lại. Điều đó tác động không nhỏ đến môi trường, chất lượng sống của người dân đô thị Hà Nội. Không chỉ suy giảm nhanh về diện tích mặt nước, cây xanh ở khu vực đô thị cũng đang suy giảm. Cây xanh có vai trò quan trọng trong việc hình thành không gian có chất lượng môi trường tốt, tạo ra cảnh quan văn hóa cho đô thị. Tuy nhiên, để phục vụ xây dựng những công trình đô thị, nhiều khu

vực cây xanh bị xóa sổ, người ta đã chặt hạ, di chuyển nhiều cây xanh, trong đó có những rặng cây hàng trăm năm tuổi, gây luyến tiếc trong lòng người dân đô thị. Nhiều khu đô thị mới đã và đang được xây dựng cũng chưa chú ý đúng mức đến diện tích vườn hoa, thảm cỏ, cây xanh, công viên...

Hiện nay, tỷ lệ diện tích đất dành cho cây xanh, công viên đạt rất thấp so với tiêu chuẩn quy định. Hơn nữa, cây xanh ở đô thị chưa đạt tiêu chuẩn về độ che phủ cũng như cân bằng hệ sinh thái. Tại Hà Nội, con số này chỉ dừng lại ở mức 11,7%, thành phố Hồ Chí Minh là 26,3% và phân bố không đồng đều. Rõ ràng, diện tích công viên, cây xanh ở đô thị không đạt quy chuẩn, chưa bằng 1/10 chỉ tiêu cây xanh của các thành phố tiên tiến trên thế giới.

3. Biến đổi về thiết chế văn hóa đô thị

Đô thị vốn là nơi sinh sống, quần tụ của người dân từ nhiều nơi. Để đáp ứng nhu cầu của người dân, hệ thống thiết chế văn hóa đã hình thành. Hệ thống thiết chế văn hóa không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của người dân đô thị mà còn

tạo nên điểm nhấn trong cảnh quan văn hóa đô thị.

Trong giai đoạn từ 1975-2000, hệ thống thiết chế văn hóa đô thị Việt Nam ngoài trường học, thư viện, nhà hát, bảo tàng... còn có thể kể đến đình, chùa, đền, phủ... Có thể nói, chùa và đình là thiết chế văn hóa truyền thống điển hình, giàu sức sống trong sinh hoạt văn hóa ở đô thị. Từ kiến trúc đến những triết lý tôn giáo, các hoạt động tại ngôi đình, chùa đều thể hiện triết lý nhân sinh, tinh thần khoan dung, hòa hợp trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của người dân đô thị. Bên cạnh ngôi chùa, đình là một thiết chế văn hóa quan trọng của cộng đồng cư dân đô thị. Đình vừa thực hiện các chức năng tôn giáo - tín ngưỡng (thờ cúng), hành chính (nơi họp bàn việc của cả cộng đồng), sinh hoạt văn hóa (tổ chức diễn xướng, nghệ thuật, các trò chơi...). Do đó, đình và chùa rất gần gũi, gắn bó với đời sống sinh hoạt của cư dân. Ngoài hệ thống thiết chế văn hóa truyền thống, các thiết chế văn hóa mới thư viện, nhà hát, bảo tàng, rạp chiếu phim cũng hình thành khá đa dạng, đặc biệt là ở

những đô thị lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng..

Từ năm 2000 đến nay, hệ thống thiết chế văn hóa ở đô thị đã được chú trọng đầu tư nâng cấp, xây dựng và phát triển trên nhiều phương diện. Cơ sở vật chất ngày càng đầy đủ, đồng bộ. Việc xây dựng, hoàn thiện dần các thiết chế văn hóa góp phần quan trọng thúc đẩy các hoạt động văn hóa, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa thể thao ở cơ sở.

Bên cạnh việc trùng tu, tôn tạo các thiết chế văn hóa truyền thống, các thiết chế văn hóa chuyên ngành hiện đại như thư viện, bảo tàng, nhà hát, rạp chiếu phim, nhà thi đấu thể thao, sân vận động... ngày càng thể hiện nét đặc thù về chuyên môn, đáp ứng nhu cầu văn hóa của công chúng trên nhiều phương diện và tầng nấc khác nhau. Nhà văn hóa, trung tâm văn hóa - thể thao đã phát triển rộng khắp từ cấp

tỉnh/thành đến tổ dân phố. Một số loại hình thiết chế văn hóa mới hình thành và ngày càng phát triển, trong đó phải kể đến công viên văn hóa, rạp phim hiện đại. Công viên văn hóa là một loại hình thiết chế văn hóa mở, phát triển mạnh trong thời gian gần đây. Nó chiếm lĩnh không gian cả trong nhà lẫn ngoài trời. Đặc biệt, công viên văn hóa có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với các mô hình trang trí, điêu khắc, kiến trúc... đậm tính nghệ thuật, vừa thể hiện tính dân tộc vừa mang tính hiện đại. Loại hình thiết chế văn hóa này có khả năng đáp ứng nhiều nhu cầu văn hóa đa dạng cho các nhóm thị dân khác nhau.

Hệ thống rạp chiếu phim tại đô thị phát triển rất nhanh. Trong hơn 10 năm gần đây, các đô thị phát triển hệ thống rạp chiếu phim chất lượng cao, áp dụng tiêu chuẩn quốc tế. Hệ thống rạp chiếu phim này nhanh chóng

Từ năm 2000 đến nay, hệ thống thiết chế văn hóa ở đô thị đã được chú trọng đầu tư nâng cấp, xây dựng và phát triển trên nhiều phương diện. Cơ sở vật chất ngày càng đầy đủ, đồng bộ. Việc xây dựng, hoàn thiện dần các thiết chế văn hóa góp phần quan trọng thúc đẩy các hoạt động văn hóa, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa thể thao ở cơ sở.

giành được sự quan tâm của cư dân đô thị. Đến nay, những rạp chiếu phim này mở rộng trên khắp vùng đô thị như: Galaxy, Lotte Cinema, Platinum, BHD Star Cineplex, Megastar, CGV... Đặc biệt, một công ty khởi nghiệp của Việt Nam đã mở hệ thống Beta Cineplex hướng đến cung cấp chuỗi rạp chiếu phim giá rẻ. Ngoài những rạp chiếu phim trên, đô thị còn hình thành các rạp chiếu phim nhỏ, quy mô mỗi phòng chiếu chỉ từ 5-30 ghế. Có thể nói, các rạp chiếu phim ở đô thị rất đa dạng, lượng phim lớn, tốc độ cập nhật nhanh, chất lượng cùng dịch vụ không ngừng được cải thiện, đáp ứng nhu cầu của mọi tầng lớp cư dân.

Hệ thống thư viện tại đô thị cũng phát triển nhanh chóng. Không dừng lại ở hệ thống thư viện do Nhà nước quản lý, ở đô thị luôn được bổ sung những yếu tố mới. Những thư viện, phòng đọc sách miễn phí, thư viện gồm toàn bộ tài liệu bằng tiếng nước ngoài rất thu hút giới trẻ. Ngoài ra, đô thị còn phát triển mạnh các phòng đọc sách gắn với các dịch vụ ăn nhẹ, uống nước. Đây cũng trở thành điểm sinh hoạt văn hóa được giới trẻ yêu thích.

Họ đến đây không chỉ đọc tài liệu mà còn trau dồi ngoại ngữ, trao đổi thông tin, giải trí...

Có thể nói, hiện nay, hệ thống thiết chế văn hóa ở đô thị đã mở rộng điều kiện để các tầng lớp nhân dân được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các giá trị văn hóa của Hà Nội và dân tộc được giữ gìn, phát huy trong đời sống hiện thực.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, hệ thống thiết chế văn hóa ở đô thị vẫn còn nhiều bất cập. Hệ thống thiết chế văn hóa mới đáp ứng một phần nhu cầu của người dân, hiệu quả sử dụng còn thấp. Các công trình văn hoá, công trình thể thao, khu vui chơi giải trí phù hợp với mức sống của đông đảo người dân chưa nhiều. Do khó khăn về quỹ đất, nhiều nơi trong đô thị gặp khó khăn trong việc quy hoạch quỹ đất xây dựng nhà văn hóa. Hiện nay, nhiều tổ dân phố đang phải sử dụng chung một nhà văn hóa. Nhiều nơi thiếu trang thiết bị, không đảm bảo điều kiện hoạt động. Ở một số nơi, hệ thống thiết chế văn hóa đang trong tình trạng thiếu đồng bộ, xuống cấp,

hiệu quả sử dụng thấp. Nhiều nhà văn hóa được xây dựng nhưng nội dung hoạt động nghèo nàn, tần suất sử dụng rất ít, sử dụng sai mục đích, thậm chí còn bị bỏ hoang.

4. Biến đổi về lối sống, nếp sống văn hóa đô thị

Từ sau năm 1975, đô thị cả nước tiến hành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng lối sống, nếp sống văn hóa đô thị mới. Từ thời điểm này, đô thị không chỉ tăng về số lượng mà xu hướng liên kết giữa các đô thị để mở rộng phạm vi hoạt động, có điều kiện tiếp xúc với trình độ văn minh bên ngoài thuận lợi hơn.

Cư dân ở đô thị vẫn còn giữ nhiều tập quán, thói quen của văn hóa làng, xã. Lối sống, nếp sống đô thị vẫn mang tính cộng đồng làng xã, các thành viên trong cộng đồng, các gia đình đều quan tâm lẫn nhau, thường xuyên thăm hỏi, chuyện trò, mời nhau đồ ăn, thức uống, một nhà có việc lớn thường được cả khu phố giúp

đỡ. Điều đó cho thấy tinh thần cộng đồng, lòng nhân ái, trọng đạo lý được phát huy. Bên cạnh đó, lối sống, nếp sống đô thị có tính bao dung, cởi mở, dễ tiếp biến, chuyển hóa tinh hoa văn hóa ngoại sinh. Cư dân đô thị về cơ bản đã khắc phục được tác phong sản

Từ năm 2000 đến nay, lối sống, nếp sống văn hóa đô thị có nhiều biến đổi. Lối sống, nếp sống trật tự, kỷ cương ngày càng được thể hiện rõ nét. Người dân bỏ dần những thói quen không còn phù hợp với điều kiện sống mới...

xuất nhỏ, trì trệ, luộm thuộm, manh mún để hình thành nên tác phong công nghiệp, hiện đại, bước đầu xây dựng tư duy duy lý, ý thức công dân và thực hiện nếp sống văn hóa đô thị.

Từ năm 2000 đến nay, lối sống, nếp sống văn hóa đô thị có nhiều biến đổi. Lối sống, nếp sống trật tự, kỷ cương ngày càng được thể hiện rõ nét. Người dân bỏ dần những thói quen không còn phù hợp với điều kiện sống mới... Ngoài việc thực hiện các quy định của Nhà nước, chính quyền địa phương, các cộng đồng thị dân thường xây dựng các nội quy vừa đảm bảo tuân thủ pháp luật của Nhà nước, vừa phù hợp với điều kiện, môi trường sống mới, vừa thể hiện nguyện vọng

của cộng đồng được sống trong môi trường trong lành, an toàn.

Cùng với quá trình hình thành lối sống, nếp sống trật tự, kỷ cương, lối sống, nếp sống văn minh, hiện đại đã được khẳng định. Lối sống hiện đại không chỉ thể hiện ở việc sử dụng những thiết bị hiện đại mà còn được thể hiện ở phong cách sống của cư dân. Người dân sử dụng các dịch vụ xã hội trong nhiều hoạt động sống. Thậm chí, dịch vụ cũng đã được cư dân đô thị lựa chọn để tổ chức các sự kiện trọng đại trong đời người như việc cưới, việc tang, sinh nở... Có thể nói, việc sử dụng các dịch vụ xã hội ngày càng phổ biến trong cuộc sống của cư dân. Ngoài ra, áp dụng khoa học công nghệ hiện đại cũng là một xu hướng ở đô thị. Người dân không chỉ sử dụng thành tựu của khoa học công nghệ trong công việc mà còn sử dụng trong đời sống hàng ngày. Họ áp dụng tri thức khoa học vào việc chăm sóc con cái, bố trí trang thiết bị trong nhà, sinh hoạt thường nhật để có sức khỏe tốt. Họ bố trí thời gian làm việc, nghỉ ngơi hợp lý để có nhiều thời gian quan tâm chăm sóc con cái, tham gia các hoạt động xã hội. Do đó, người

dân đô thị ngày càng chú trọng đến chất lượng các loại hình dịch vụ văn hóa, có điều kiện để chọn lựa các phương thức hưởng thụ giá trị văn hóa khác nhau.

Có thể thấy, lối sống, nếp sống mới đô thị đã được hình thành dựa trên cơ sở hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, mở rộng giao lưu văn hóa. Điều đó phù hợp với nhu cầu của người dân và xu hướng phát triển tất yếu của đô thị. Tuy nhiên, lối sống, nếp sống đô thị đang bị phân hóa. Đa số cư dân đô thị có lối sống lành mạnh, có điều kiện tiếp thu các ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, luôn cập nhật thông tin, có điều kiện nâng cao mức hưởng thụ các giá trị văn hóa. Một bộ phận khác, nhất là giới trẻ đang bị ảnh hưởng lối sống ngoại lai, chưa coi trọng các giá trị văn hóa dân tộc. Mặt khác, lối sống, nếp sống hiện nay cũng cho thấy nguy cơ đánh mất tính cộng đồng, thay vào đó là những quan hệ ẩn danh, là sự thờ ơ, lãnh đạm, vô cảm, thực dụng.

5. Những vấn đề đặt ra qua sự biến đổi văn hóa đô thị từ 1975 đến nay

Một là, văn hóa nông thôn thâm nhập ngày càng sâu vào văn hóa đô thị.

Khi các đô thị ngày càng phát triển mở rộng, thì dân số càng tăng, dòng di dân từ nông thôn vào đô thị càng lớn. Cùng với quá trình đô thị hóa mạnh như hiện nay, văn hóa nông thôn càng có điều kiện để tồn tại và phát triển trong lòng xã hội đô thị. Càng ngày, chúng ta càng thấy những yếu tố văn hóa nông thôn hiển hiện ở khắp nơi trong đô thị, ảnh hưởng đến tư duy và hành động của thị dân, làm cho văn hóa đô thị khó định hình và phát triển toàn diện.

Thứ hai, sự mất cân bằng của văn hóa đô thị diễn ra trên nhiều lĩnh vực. Sự phát triển kinh tế thị trường đã góp phần phân hóa cư dân đô thị ngày càng sâu sắc. Sự chênh lệch về mức sống sẽ dẫn tới sự chênh lệch về sáng tạo và định hình các yếu tố văn hóa đô thị. Ngoài ra, dòng di cư từ nông thôn ra đô thị ngày càng tăng tạo nên sức ép về mọi mặt (giao thông, y tế, giáo dục, nhà ở, môi trường, năng lượng...) đối với đô thị. Hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của đô thị Việt Nam còn yếu, lạc hậu, thiếu đồng bộ, không đảm bảo các tiêu chuẩn đô thị hiện đại thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đây là

yếu tố làm làm cho văn hóa đô thị chậm phát triển theo đúng định hướng và mục tiêu đã đặt ra. Và một nghịch lý đang diễn ra ở đô thị hiện nay là đô thị đang ngày càng mở rộng nhưng con người đô thị thì ngày càng thu nhỏ và khép kín lại.

Thứ ba, mâu thuẫn giữa sáng tạo, tiếp biến những giá trị mới với việc bảo tồn, phát huy giá trị của các di sản văn hóa, văn hóa truyền thống đô thị. Đô thị là nơi tiếp xúc, tiếp biến, tiếp nhận các giá trị văn hóa khu vực và nhân loại rất nhanh chóng. Con người đô thị luôn có tính năng động và sáng tạo. Do đó, văn hóa đô thị luôn được bổ sung các giá trị văn hóa mới, tiếp cận với giá trị văn hóa của nhân loại. Tuy nhiên, các giá trị văn hóa ở đô thị ngày càng có nguy cơ bị biến mất trong đời sống xã hội. Hệ thống di sản văn hóa đô thị hiện nay đang bị đe dọa. Trước sự tàn phá của thiên nhiên, thiên tai và nhận thức không đúng của con người, hệ thống di sản văn hóa vật thể ở các đô thị Việt Nam đã và đang bị xâm chiếm, biến dạng và mất mát. Mặt khác, quy luật vận động của văn hóa là biến đổi ở trung tâm và đóng băng ở vùng

biên. Điều đó khiến cho vấn đề về giữ gìn đặc trưng văn hóa đô thị gặp nhiều khó khăn.

Thứ tư, hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa đô thị chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu biểu hiện, thưởng thức văn hóa của thị dân. Ở nhiều đô thị, một số thiết chế văn hóa có nguy cơ trở thành “kỳ ức đô thị” của thị dân như bảo tàng, thư viện, rạp hát, rạp chiếu phim... Ra đời từ thời Pháp thuộc, những thiết chế này đáp ứng nhu cầu văn hóa của nhiều tầng lớp thị dân. Tuy nhiên, trước sự thay đổi nhanh của đô thị, mặc dù các thiết chế này đã có nhiều thay đổi nhưng vẫn không theo kịp sự phát triển các loại hình thiết chế văn hóa hiện đại nên dần đi vào quên

lãng. Trong khi đó, có những thiết chế văn hóa được xây dựng quy mô và đầu tư cơ sở vật chất hiện đại nhưng khai thác chưa hiệu quả. Vì vậy, hệ thống thiết chế văn hóa tại đô thị vẫn chưa phát huy hiệu quả trong phát triển văn hóa đô thị.

Nhìn chung, từ năm 1975 đến nay, những thay đổi về kinh tế - xã hội đã tác động mạnh mẽ đến sự biến đổi của văn hóa đô thị nước ta. Càng ngày, văn hóa đô thị càng định hình và khẳng định đặc trưng riêng so với văn hóa nông thôn. Tuy nhiên, những biến đổi văn hóa đô thị hiện nay cũng đặt ra nhiều vấn đề cần phải được nghiên cứu và cần tăng cường sự lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước và chính quyền đô thị ■

¹ Trần Minh Tôn: *Đô thị hóa và xây dựng văn hóa đô thị Việt Nam hiện đại*, Tạp chí Cộng sản, tháng 4 năm 2008.

² Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2016, tr.3.

³ Trần Quốc Thái: *Phát triển đô thị Việt Nam: thành tựu, thách thức và định hướng giai đoạn tới*, <https://baoxaydung.com.vn/phat-trien-do-thi-viet-nam-thanh-tuu-thach-thuc-va-dinh-huong-giai-doan-toi-364151.html>, đăng ngày 08/11/2023.

NHẬN DIỆN CÁC QUAN ĐIỂM, SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH VỀ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

● Đại tá, PGS, TS Bùi Đình Bôn

1. Nhận diện các quan điểm, sai trái, thù địch về nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Từ sau Đại hội XIII của Đảng đến nay, nhất là trước thêm Đại hội XIV, trong lúc Đảng ta đang chuẩn bị Văn kiện cho Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, các phần tử cơ hội chính trị và các thế lực thù địch, phản động không ngừng ra sức chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa, trong đó, chúng tập trung chống phá vào nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trên lĩnh vực này, các phần tử cơ hội và các thế lực thù địch tập trung vào những vấn đề sau đây:

Thứ nhất, phủ định chủ nghĩa Mác - Lênin

Chúng cho rằng, học thuyết Mác - Lênin chỉ phù hợp với thế kỷ XIX, cùng lắm là thế kỷ XX và chỉ phù hợp

ở một chừng mực nào đó với trình độ chính trị, lực lượng sản xuất và văn hóa Nga, không phù hợp với Việt Nam. Chủ nghĩa Mác - Lênin là tư tưởng ngoại lai, đã lỗi thời, không còn phù hợp với thế kỷ XXI, không còn phù hợp với điều kiện cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chúng xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin và cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin nhấn mạnh “đấu tranh giai cấp”, “tập trung dân chủ” là cổ vũ cho bạo lực, cho chiến tranh, cho độc quyền, độc đoán, độc tài, thủ tiêu dân chủ, không phù hợp với xu thế thời đại, do đó không thể thúc đẩy xã hội phát triển. Các thế lực thù địch cho rằng, sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu bắt nguồn từ chủ nghĩa Lê nin, chủ nghĩa tư bản là vĩnh hằng, là chế độ cuối cùng trong lịch sử.

Các thế lực thù địch phủ định những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin: phủ định vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, phủ nhận bản chất cách mạng và khoa học của lý luận về hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin, chúng cho rằng: học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác là sai lầm, là lỗi thời vì thực tiễn đã thay đổi. Chúng phủ nhận tính khách quan của quy luật xã hội mà học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác đã phát hiện ra. Chúng phủ nhận học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác, cho rằng, học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác đã lỗi thời, chủ nghĩa tư bản hiện đại đã thay đổi bản chất, không còn là chế độ bóc lột nữa. Chúng phủ nhận lý luận khoa học về chủ nghĩa xã hội và cho rằng, chủ nghĩa xã hội chỉ là ảo tưởng, không bao giờ thực hiện được. Theo

chúng, lý luận về chủ nghĩa xã hội được dựng lên từ một hệ thống triết học tư biện, chứ không phải từ hiện thực khách quan, không thể căn cứ vào đó để xây dựng thành một Cương lĩnh cải tạo xã hội.

Thứ hai, phủ nhận giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh

Các thế lực thù địch phủ định những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin: phủ định vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, phủ nhận bản chất cách mạng và khoa học của lý luận về hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin, chúng cho rằng: học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác là sai lầm, là lỗi thời vì thực tiễn đã thay đổi.

Chúng cho rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh du nhập chủ nghĩa Mác - Lênin với học thuyết đấu tranh giai cấp gây ra cảnh “nồi da nấu thịt suốt mấy chục năm”, việc đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam là một sai lầm lịch sử. Chủ nghĩa Mác - Lênin là ngoại lai, bắt nguồn từ phương Tây nên không phù hợp với Việt Nam. Chúng xuyên tạc nhằm “hạ bệ” tư tưởng Hồ

Chí Minh, phủ nhận nội dung, giá trị tư tưởng của Người; đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin, tuyệt đối hóa tư tưởng Hồ Chí Minh để gián tiếp phủ nhận tư tưởng của Người.

Cùng với việc công kích trực tiếp vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng còn đẩy mạnh tuyên truyền, cổ xúy du nhập các trào lưu tư tưởng cực đoan, chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa dân tộc cực đoan từ bên ngoài, kết hợp với kích động của nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa bè phái, chủ nghĩa hưởng lạc từ bên trong, nhằm thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong hệ thống chính trị và trong xã hội.

Các thế lực thù địch, phản động tấn công trực diện vào nền tảng tư tưởng của Đảng nhằm bác bỏ, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hệ thống quan điểm, đường lối của Đảng. Thủ đoạn mới của chúng là, chuyển từ bôi nhọ, bành luận điệu “du nhập ngoại lai”, “nhập khẩu lý luận” sang đánh tráo, thay thế các khái niệm, thổi phồng cái gọi là “chủ thuyết phát triển mới”, đối lập chủ nghĩa Mác với chủ nghĩa Lênin, kêu gọi dùng “chủ nghĩa Hồ Chí Minh” để thay thế chủ nghĩa Mác - Lênin mà cố tình lờ đi một sự thật hiển nhiên, rõ ràng rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng và phát triển

sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cụ thể của Việt Nam. Chúng rêu rao rằng, Đảng và Nhà nước Việt Nam, giới lý luận và các nhà khoa học của ta đã dịch sai, hiểu sai quan điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen; đồng thời, chúng diễn giải lại theo cách hiểu xuyên tạc, bóp méo, hòng làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hoang mang, dao động, suy giảm niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng vào chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thứ ba, xuyên tạc, phủ nhận quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước ta hiện nay, nhất là đường lối đổi mới của Đảng ta.

Các thế lực thù địch, phản động và cơ hội chính trị cho rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng là sai lầm, bảo thủ, giáo điều. Đảng Cộng sản Việt Nam du nhập chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam là nguyên nhân dẫn đến hai cuộc chiến tranh với Pháp và Mỹ. Vì vậy, từ Đại hội XIV trở đi, không nên nói đến chủ nghĩa xã hội nữa. Việt Nam bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa

là trái quy luật, là duy ý chí nên chỉ thất bại. Đại hội XIV cần bỏ cụm từ “nền tảng tư tưởng”, cứ lý thuyết nào đúng thì theo. Định hướng xã hội chủ nghĩa là tù mù, hư ảo; kinh tế thị trường không thể đi đôi với định hướng xã hội chủ nghĩa, như nước với lửa. Đại hội XIV của Đảng nên chủ trương thực hành kinh tế thị trường, tam quyền phân lập, xã hội dân sự thì nước ta mới phát triển theo dòng thời đại. Chúng cho rằng, ở Việt Nam hiện nay không có dân chủ, nhân quyền, không có tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, tự do báo chí...

Các thế lực thù địch, phản động phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, phủ nhận giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh thực chất và suy cho cùng là phủ định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân nói chung của giai cấp công nhân Việt Nam nói riêng.

2. Đấu tranh phản bác quan điểm cho rằng, “trong thời đại ngày nay, giai cấp công nhân không thể lãnh đạo được cách mạng, chỉ có trí thức mới lãnh đạo được cách mạng”

Một trong những cống hiến vĩ đại

nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin là phát hiện và làm sáng tỏ sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân - giai cấp tiên tiến nhất, triệt để cách mạng nhất, giai cấp duy nhất có khả năng lãnh đạo các tầng lớp nhân dân lao động bị áp bức, bóc lột tiến hành cách mạng vô sản, thực hành cuộc cải biến cách mạng, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng thành công xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa, tiến tới xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Trước sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các phần tử cơ hội và thế lực thù địch, phản động cho rằng, trong giai đoạn hiện nay, giai cấp công nhân không thể lãnh đạo được cách mạng, chỉ có trí thức mới lãnh đạo được cách mạng! Phải chăng luận điểm về sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân của chủ nghĩa Mác - Lênin đã lỗi thời?

(1). Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được quy định bởi địa vị kinh tế - xã hội khách quan của giai cấp công nhân

Học thuyết của C.Mác-Ph.Ăngghen về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là sự luận chứng khoa học về địa

vị kinh tế - xã hội và vai trò lịch sử của giai cấp công nhân. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được quy định một cách khách quan do sự vận động nội tại của những mâu thuẫn cơ bản trong lòng xã hội tư bản, do yêu cầu của sự phát triển của nền sản xuất đại công nghiệp, chứ hoàn toàn không phải do ý muốn chủ quan của ai gán ghép cho nó.

Do địa vị kinh tế - xã hội khách quan, giai cấp công nhân là giai cấp gắn với lực lượng sản xuất tiên tiến nhất dưới chủ nghĩa tư bản, là giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, đại diện cho lực lượng sản xuất mới mang tính chất xã hội hóa cao. Và, với tính cách như vậy, nó là lực lượng quyết định xóa bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Sau khi giành được chính quyền, giai cấp công nhân đại biểu cho sự tiến hóa tất yếu của lịch sử, là người duy nhất có khả năng lãnh đạo xã hội xây dựng một phương thức sản xuất mới cao hơn phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Địa vị kinh tế - xã hội khách quan không chỉ làm cho giai cấp công nhân trở thành giai cấp cách mạng triệt để nhất, mà còn tạo cho giai cấp công nhân khả năng để thực hiện điều đó. Đó là khả năng đoàn kết thống nhất giai cấp, khả năng đạt tới sự giác ngộ về địa vị lịch sử của mình, khả năng hành động chính trị để từng bước đạt mục tiêu cách mạng. Đó là khả năng đoàn kết các giai cấp khác trong cuộc đấu tranh chống tư bản, là khả năng đi đầu trong cuộc đấu tranh của toàn thể nhân dân lao động và của dân tộc.

C.MácPh.Ăngghen khẳng định: trong các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản, chỉ có giai cấp vô sản là thực sự cách mạng; và “giai cấp vô sản không còn có thể tự giải phóng khỏi ách của giai cấp bóc lột và áp bức mình, tức là giai cấp tư sản, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng hoàn toàn xã hội khỏi ách bóc lột áp bức, khỏi sự phân chia giai cấp và đấu tranh giai cấp”¹.

Học thuyết của C.Mác - Ph.Ăngghen về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là sự luận chứng khoa học về địa vị kinh tế - xã hội và vai trò lịch sử của giai cấp công nhân.

Lịch sử thế giới đã chứng minh những kết luận của C.Mác - Ph.Ăngghen, V.I.Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là đúng đắn. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân nhằm thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình không phải diễn ra một cách bằng phẳng, thuận buồm xuôi gió.

Ngày nay, kẻ thù của chủ nghĩa xã hội đang ra sức tấn công vào học thuyết của Mác - Ăngghen, Lênin về sứ mệnh lịch sử thế giới giai cấp công nhân. Chúng khẳng định rằng, học thuyết đó không áp dụng được vào giai cấp công nhân hiện nay. Bởi giai cấp công nhân ngày nay đã “teo đi”, đã “tan biến” vào các giai tầng xã hội khác; bởi địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân đã thay đổi nhiều, phần đông trong giai cấp này đã “trung lưu hóa”, v.v..

Thực tiễn chứng minh rằng, quá trình tái sản xuất tư bản chủ nghĩa dù có mở rộng và hiện đại hóa đến đâu, những hình thức của nó có thay đổi thế nào chăng nữa thì nó vẫn không ngừng tái sinh ra quan hệ xã hội tư bản chủ nghĩa. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

vẫn đang diễn ra hết sức gay gắt. Giai cấp tư sản đã và đang tìm mọi cách để điều chỉnh các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa hòng níu giữ chế độ thống trị của chúng, nhưng vẫn không sao khắc phục được mâu thuẫn cơ bản trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Ở nơi này hay nơi khác, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa vẫn còn khả năng phát triển, nhưng phải thường xuyên đương đầu với các cuộc khủng hoảng nặng nề với nhiều cơn suy thoái và nạn thất nghiệp thường xuyên không tránh khỏi của hàng chục triệu người. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân tuy đang đứng trước những thử thách hết sức nặng nề, nhưng bức tranh toàn cảnh của sự phát triển lực lượng sản xuất thế giới vẫn đang chuẩn bị những tiền đề khách quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của nó. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình dù có trải qua những bước thăng trầm, nhưng nó vẫn tiếp tục diễn ra theo quy luật khách quan của lịch sử. Đặc điểm lớn nhất của thời đại lịch sử ngày nay là, giai cấp công nhân đã, đang và sẽ

vươn lên nắm quyền lực nhà nước. Bởi lẽ, nó là giai cấp duy nhất đại diện cho lực lượng sản xuất hiện đại, cho phương thức sản xuất tiên tiến. Giai cấp công nhân là người đại diện cho lợi ích và quyền lực của nhân dân, của nhân loại.

(2). Có phải trong điều kiện ngày nay giai cấp công nhân đã “biến mất” và không thể lãnh đạo được cách mạng, chỉ có trí thức mới lãnh đạo được?

Nói rằng, hiện nay giai cấp công nhân ngày càng ít về số lượng, điều đó không đúng với thực tế. Giai cấp công nhân không “biến mất” mà ngược lại, tỷ lệ giai cấp công nhân so với tổng số dân đang tăng lên. Giai cấp công nhân hiện đại không chỉ là những người lao động chân tay mà còn có cả một bộ phận những người lao động trí óc gắn trực tiếp với quá trình sản xuất ra của cải vật chất. Để hiểu điều đó cần phải gắn việc xem xét giai cấp công nhân hiện đại với các hình thức sản xuất tư bản hiện đại. Sự phát triển của lực lượng sản xuất trong xã hội tư bản không những không làm giảm mà trái lại còn làm tăng số lượng giai cấp công nhân. Mặt khác, cùng với đà phát triển của nền sản xuất hiện đại, ở các

nước tư bản, nông dân và những người sản xuất nhỏ ở thành thị vẫn tiếp tục bị phá sản và bổ sung vào đội ngũ công nhân. Theo thống kê chính thức, ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa phát triển, những người công nhân cùng với gia đình họ vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất so với các giai cấp và các tầng lớp khác trong xã hội. Tuy nhiên, điều quyết định việc hoàn thành sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân chủ yếu không phải là số lượng, mặc dù số lượng là cần thiết, nhưng trên thực tế sức mạnh của giai cấp công nhân lớn hơn nhiều so với số lượng của nó nếu giai cấp công nhân thống nhất được nội bộ giai cấp mình và thực hiện được sự liên minh chặt chẽ với quần chúng lao động bị áp bức. Lịch sử cách mạng thế giới và lịch sử cách mạng Việt Nam đã chứng minh rất rõ điều đó.

Có phải vì ngày nay khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, trí thức đã hoà nhập vào giai cấp công nhân và trí thức đang trở thành lực lượng nòng cốt lãnh đạo các giai cấp, các tầng lớp khác đấu tranh chống giai cấp tư sản? Đó là một sự ngộ nhận. Hiện nay vai trò của khoa học kỹ thuật

tác động vào sản xuất ngày càng lớn, do đó đã và đang xuất hiện một đội ngũ công nhân kỹ thuật hiện đại, được trí thức hóa và chuyên môn hóa cao. Đó là những công nhân - trí thức hóa và những trí thức - công nhân hóa, họ² đang điều khiển những dây chuyền sản xuất tự động, làm ra những sản phẩm mang hàm lượng trí tuệ cao. Nhưng không phải vì thế mà nói rằng những người này đã hoàn toàn tách ra khỏi giai cấp công nhân, biến thành trí thức. Rõ ràng, trong điều kiện khoa học - kỹ thuật phát triển, nhất là trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nhân vẫn giữ vị trí quyết định trong nền sản xuất hiện đại. Trong thời đại ngày nay, không nên hiểu công nhân chỉ là người có trình độ văn hóa thấp như trước (ở Nhật hiện nay trên 90% công nhân có trình độ đại học và tương đương). Nói khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp là nói thời gian từ nghiên cứu của các nhà khoa học đến ứng dụng vào sản xuất được rút ngắn lại, là nói tác động mạnh mẽ, to lớn của khoa học vào sản xuất, chứ không có nghĩa là tất cả trí thức đã trở thành người công nhân sản xuất trực tiếp.

Trí thức có vai trò rất quan trọng, trực tiếp và đi đầu trong sự nghiệp phát triển các lý thuyết khoa học - công nghệ, khoa học quản lý, khoa học quân sự, khoa học xã hội - nhân văn,... trong việc nâng cao dân trí trong một chế độ xã hội nhất định. Song, tầng lớp trí thức không thể đóng vai trò lãnh đạo cách mạng thay thế giai cấp công nhân. Bởi lẽ:

Thứ nhất, trong xã hội, trí thức chỉ là một tầng lớp xã hội đặc biệt và không thuần nhất. Trí thức chưa bao giờ và không bao giờ là một giai cấp. Nó không đại biểu cho một phương thức sản xuất độc lập, không thể là một lực lượng kinh tế, chính trị độc lập. Do đó, trí thức không có hệ tư tưởng độc lập. Nó chỉ đi theo và chịu ảnh hưởng hệ tư tưởng của giai cấp mà nó phục vụ. Do địa vị kinh tế - xã hội của nó, Trí thức không thể là người lãnh đạo cách mạng, mặc dù tất cả các giai cấp thống trị trong lịch sử đều cần đến trí thức và đào tạo ra một đội ngũ trí thức của mình để thực hiện vai trò lãnh đạo đối với xã hội.

Thứ hai, trí thức không có lợi ích đối kháng trực tiếp với giai cấp tư sản. Trí thức cũng là người làm thuê và bị bóc

lột, nhưng lại là tầng lớp làm thuê đặc biệt, được giai cấp tư sản đào tạo, sử dụng với sự ưu đãi. Trí thức không phải là tầng lớp xã hội bị áp bức, bóc lột nhất. Dưới chế độ tư bản, quyền lợi của tầng lớp trí thức gắn liền với quyền lợi của giai cấp tư sản. Về mặt lý luận, đưa giới trí thức lên vị trí đội tiên phong cách mạng trong thời đại ngày nay là xuyên tạc thế giới quan khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, đưa mâu thuẫn đối kháng cơ bản của xã hội tư bản ra khỏi lĩnh vực sản xuất vật chất, chuyển sang lập trường giải thích các quá trình xã hội theo kiểu duy tâm.

Thứ ba, thực tế lịch sử phát triển của xã hội cho thấy, chưa bao giờ tầng lớp trí thức lãnh đạo thành công một cuộc cách mạng xã hội nào. Các cuộc đấu tranh của tầng lớp trí thức tuy có tiếng vang nhất định, nhưng mục tiêu của các cuộc đấu tranh ấy không vượt quá khuôn khổ hiến pháp tư sản và sự chấp nhận của giai cấp tư sản. Họ sẵn sàng thỏa hiệp với giai cấp tư sản khi những yêu cầu tối thiểu đưa ra được chấp nhận. Họ không bao giờ đưa cuộc đấu tranh ấy đến cùng nhằm giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Trí thức có vai trò rất to lớn trong cuộc đấu tranh giành chính quyền và trong công cuộc xây dựng xã hội mới. Vì vậy, giai cấp công nhân cần phải có chính sách đúng đắn để thu hút đội ngũ trí thức phục vụ đắc lực cho sự nghiệp cách mạng của mình trong mỗi giai đoạn cách mạng. Đồng thời, giai cấp công nhân phải chú trọng xây dựng đội ngũ trí thức của mình, nhất là trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới. Trí thức chỉ phát huy được sức mạnh của mình khi gắn với một giai cấp đại diện cho sự tiến hóa của xã hội loài người, ngày nay, giai cấp đó là giai cấp công nhân.

(3). Có phải sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu chứng minh rằng, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân không còn?

Phải chăng sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Đông Âu và Liên Xô là bằng chứng để nói rằng, giai cấp công nhân không có đủ khả năng lãnh đạo xây dựng một xã hội mới tiến bộ hơn xã hội tư bản chủ nghĩa và không thể hoàn thành được sứ mệnh lịch sử của mình. Tình hình đã và đang diễn ra ở Đông Âu và

các nước thuộc Liên Xô (trước đây) chẳng những không phủ nhận mà còn khẳng định vai trò của giai cấp công nhân. Sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu có nguyên nhân chủ quan và khách quan. Nguyên nhân chính dẫn tới sụp đổ là do sự lãnh đạo chủ quan, do sai lầm về đường lối, quan điểm và phương pháp của các Đảng cộng sản và Công nhân, chứ không phải do giai cấp công nhân đã thoái hoá, biến chất. Trong những năm qua, các Đảng cộng sản và giai cấp công nhân ở các nước xã hội chủ nghĩa đã đạt được những thành tựu quan trọng góp phần quyết định vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội, làm thay đổi bộ mặt thế giới. Tuy vậy, trong các nước xã hội chủ nghĩa cũng bộc lộ một khuyết tật phổ biến là: trong đảng có đặc quyền, đặc lợi, đảng trị, một bộ phận cán bộ, đảng viên, công nhân bị suy thoái về tư tưởng chính trị, thoái hóa về đạo đức, lối sống, gây bất bình trong quần chúng. Đó là những khuyết điểm chủ quan, không thuộc về bản chất của giai cấp công nhân, của chế độ xã hội, vì vậy có thể khắc phục được.

Thực tế những diễn biến gần đây nhất ở Đông Âu càng chứng minh rằng, ngoài giai cấp công nhân và đội tiền phong chân chính của nó, không có một lực lượng, một giai cấp nào khác có thể lãnh đạo được quần chúng nhân dân xây dựng xã hội mới, mang lại hạnh phúc và dân chủ thực sự cho người lao động.

Trước những khó khăn về kinh tế, những tiêu cực về mặt xã hội đang diễn ra ở nước ta, không ít người hoài nghi vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân. Họ cho rằng, giai cấp công nhân Việt Nam đang trong quá trình hình thành, còn nhỏ bé, trình độ thấp,... nên không thể tiếp tục lãnh đạo được cách mạng, nhất là trong công cuộc xây dựng xã hội mới hiện nay. Theo họ, sứ mệnh ấy thuộc về tầng lớp trí thức!

Cần xem xét giai cấp công nhân Việt Nam theo quan điểm thời đại, trong phạm vi toàn thế giới. Nếu cho rằng giai cấp công nhân Việt Nam ít về số lượng, chưa có đặc tính của giai cấp công nhân hiện đại, do vậy không đủ khả năng đảm nhận và làm tròn vai trò lịch sử của mình, cách nhìn nhận như vậy là tách rời lịch sử thế giới. Giai cấp

công nhân nước ta là một bộ phận của giai cấp công nhân quốc tế, do đó nó vẫn mang đầy đủ đặc tính của giai cấp công nhân hiện đại. Giai cấp công nhân Việt Nam tuy nhỏ bé về số lượng nhưng giác ngộ giai cấp, ý thức dân tộc sâu sắc, nội bộ thống nhất, đoàn kết... Ngay từ khi mới ra đời, dưới sự lãnh đạo của đội tiên phong chân chính của mình, nó đã phát huy và nhân lên được sức mạnh của giai cấp, của dân tộc - trước hết là sức mạnh của đông đảo quần chúng nông dân và những người lao động khác và sức mạnh của thời đại, nhờ thế đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Ngày nay, trong tình hình thế giới diễn biến phức tạp, giai cấp công nhân Việt Nam và đội tiên phong của mình vẫn kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, từng bước tháo gỡ khó khăn về kinh tế, đưa sự nghiệp cách mạng tiếp tục tiến lên và “đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới... đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”³. Lịch sử cách mạng Việt Nam hơn 90 năm qua đã chứng

minh rằng, ngoài giai cấp công nhân, thông qua đội tiên phong chân chính của nó, không một giai cấp, một tầng lớp xã hội nào khác có thể lãnh đạo được cách mạng nước ta. Đó là một thực tế không thể phủ nhận.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, nhất là trong công cuộc xây dựng xã hội mới, trong điều kiện đất nước trải qua một cuộc chiến tranh lâu dài, hậu quả của nó còn nặng nề, điểm xuất phát đi lên của nền kinh tế còn thấp kém, Đảng và giai cấp công nhân Việt Nam lại chưa có kinh nghiệm trong sự nghiệp xây dựng một xã hội mới, do đó những thiếu sót, sai lầm là khó tránh khỏi. Bên cạnh những thành tích to lớn, Đảng ta có lúc phạm sai lầm, khuyết điểm, có những sai lầm, khuyết điểm nghiêm trọng do giáo điều, chủ quan, duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan; nhưng Đảng đã công khai thừa nhận, nghiêm túc tự phê bình và kiên quyết sửa chữa. Công cuộc đổi mới đã và đang thu được những thành công bước đầu, từng bước đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng, khó khăn. Trên con đường đi lên, khó khăn và thử thách còn rất gay gắt. Song nếu vì thế mà cho rằng phải

trao quyền lãnh đạo cho trí thức thì mới đưa cách mạng tiếp tục tiến lên được thì đó là một sai lầm cả về lý luận và thực tiễn.

Ngày nay nền sản xuất hiện đại vừa đòi hỏi, vừa tạo điều kiện cho công nhân nâng cao trình độ văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ của mình. Nền sản xuất ấy đang và sẽ tạo ra ngày càng đông đảo đội ngũ công nhân - trí thức hóa và trí thức - công nhân hóa. Cũng chỉ có như vậy giai cấp công nhân mới thích ứng và điều hành được nền sản xuất hiện đại. Vì vậy, để giai cấp công nhân hoàn thành được sứ mệnh lịch sử vẻ vang của mình, Đảng và Nhà nước ta cần có biện pháp hữu hiệu để củng cố, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện đại, lớn mạnh. Đi đôi với việc phát triển số lượng, cần nâng cao

trình độ văn hoá, khoa học kỹ thuật và trình độ lý luận cho công nhân, cần tăng cường thành phần công nhân trong Đảng. Đưa những công nhân có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giỏi, có trình độ khoa học kỹ thuật, trình độ lý luận và phẩm chất đạo đức tốt vào các cấp lãnh đạo của Đảng, các cấp quản lý nhà nước. Và trước hết, quan trọng nhất là chỉnh đốn và thật sự đổi mới Đảng, nâng tầm trí tuệ và sức chiến đấu của Đảng - đội tiên phong của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc. Giữ vững và không ngừng nâng cao bản chất giai cấp công nhân của Đảng, xứng đáng là đội tiên phong chính trị của toàn xã hội, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam ■

¹ C.Mác-Ph.Ăngghen: *Tuyển tập*, t.1, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1980, tr.517.

² Đội ngũ công nhân kỹ thuật bậc cao hiện nay ở Tây Ban Nha: 53,2%; I-ta-li-a: 53,1%; Pháp 51,9%; Bồ Đào Nha: 47,1%... Theo Revue Inter du Travail, số 2.

³ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.25.